

## Mục lục

Câu 1: Vai trò của Nguyễn Ái Quốc cho sự ra đời của ĐCSVN? Không có Bác ĐCS có ra đời không? Vì sao? .....	2
Câu 2: anh chị hãy làm rõ nội dung cơ bản của cương lĩnh chính trị đầu tiên và ý nghĩa của cương lĩnh này đối với CMVN? .....	4
Câu 3: Nội dung cơ bản của Luận cương chính trị tháng 10/1930 & so sánh với Cương lĩnh chính trị tháng 2/1930 của Đảng .....	5
Câu 4: Anh chị làm rõ sự chuyển hướng chỉ đạo chiến lược của Đảng giai đoạn 1939 – 1945. Ý nghĩa của sự chuyển hướng này đối với CMT8/1945 ở Việt Nam .....	7
Câu 5: Ý nghĩa lịch sử, nguyên nhân thắng lợi và bài học kinh nghiệm của CMT8 năm 1945 ở Việt Nam.....	9
Câu 6: chủ trương, biện pháp của Đảng để bảo vệ thành quả CM sau tháng 8/1945 .....	10
Câu 7: Vì sao nhân dân Nam Bộ ngay những ngày đầu của cuộc kháng chiến chống Pháp được Bác tặng danh hiệu: “Thành đồng Tổ quốc”? Ý nghĩa của danh hiệu cao quý này? .....	11
Câu 8: Đường lối kháng chiến chống Pháp và can thiệp Mỹ của Đảng. Ý nghĩa của đường lối này với cách mạng Việt Nam.....	13
Câu 9: Ý nghĩa lịch sử, nguyên nhân thắng lợi và bài học kinh nghiệm của cuộc kháng chiến chống Pháp ở Việt Nam. ....	15
Câu 10: Nội dung cơ bản của nghị quyết 15 của đảng và ý nghĩa của NQ này đối với cuộc KC của nhân dân ta ở miền nam 1959- 1960 .....	16
Câu 11: Đường lối Cách mạng Việt Nam trong giai đoạn mới do ĐH Đảng TW lần thứ III đã đề ra và ý nghĩa của đường lối này đối với công cuộc xây dựng CNXH ở miền Bắc. ....	18
Câu 12: Nội dung cơ bản của đường lối kháng chiến chống Mỹ cứu nước trong Nghị quyết Trung ương 11 và 12 (1965). Ý nghĩa đường lối này trong quá trình thực hiện cuộc kháng chiến chống Mỹ xâm lược ( 1965 - 1975).....	20
Câu 13: Ý nghĩa lịch sử, nguyên nhân thắng lợi & bài học kinh nghiệm của cuộc kháng chiến chống Mỹ ở Việt Nam (1954 – 1975) .....	22
Câu 14: Làm rõ đường lối về CNH – HĐH trong thời kỳ đổi mới? ý nghĩa của đường lối với sự phát triển kinh tế của nước ta trong những năm qua? .....	23
Câu 15: Anh hay chị hãy làm rõ: đường lối xây dựng nền kinh tế thị trường thời kỳ đổi mới và ý nghĩa của đường lối này với sự phát triển kinh tế thị trường nước ta? .....	26
Câu 16: Anh (chị) hãy làm rõ nội dung đường lối đổi mới hệ thống chính trị của Đảng trong thời kỳ đổi mới? .....	30
Câu 17: Anh chị hãy làm rõ: quan điểm, chủ trương xây dựng & phát triển văn hóa Việt Nam thời kì đổi mới & ý nghĩa thực tiễn của những nội dung này đối với sự nghiệp xây dựng & phát triển văn hóa Việt Nam những năm qua?.....	34
Câu 18: Anh chị hãy làm rõ: Quá trình đổi mới tư duy của Đảng về nhận thức và giải quyết các vấn đề XH trong thời kỳ đổi mới và Ý nghĩa thực tiễn của nó. ....	36
Câu 19: Hãy làm rõ: đường lối đối ngoại, hội nhập kinh tế quốc tế thời kì đổi mới và ý nghĩa cả đường lối này đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.....	39

## **Câu 1: Vai trò của Nguyễn Ái Quốc cho sự ra đời của ĐCSVN? Không có Bác ĐCS có ra đời không? Vì sao?**

Tháng 7/1920, sau khi được đọc bản “sơ thảo lần thứ I những luận cương về dân tộc và vấn đề thuộc địa” của Lê Nin.... Nguyễn Ái Quốc đã tìm thấy trong luận cương của Lenin lời giải đáp cho con đường giải phóng cho nhân dân VN và sau đó trở thành 1 trong những người tham gia sáng lập ĐCS Pháp (12/1920). Năm 1920, Nguyễn Ái Quốc tham gia sáng lập hội liên hiệp tiếp tục thành lập để bổ sung tư tưởng cứu nước và Nguyễn Ái Quốc cũng thấy phải có 1 chính Đảng. Một mặt người truyền bá chủ nghĩa Mác –Lenin, một mặt chuẩn bị những điều kiện thành lập chính đảng ấy của giai cấp vô sản VN.

### **➤ Chuẩn bị về tư tưởng**

Với tư cách là trưởng tiểu ban Đông Dương của ĐCS Pháp người đã viết nhiều bài đăng trên báo như: báo Leparia (người cùng khổ), nhân đạo, đời sống công nhân, tập san thư tín quốc tế, tạp chí Cộng sản.... Thông qua các tác phẩm này người đã vạch trần âm mưu và thủ đoạn của chủ nghĩa thực dân Pháp đồng thời tuyên truyền chủ nghĩa Mác – Lenin, xây dựng mối quan hệ gắn bó giữa những người công sản và nhân dân lao động Pháp với các nước thuộc địa và phụ thuộc.

Đặc biệt, tại đại hội lần thứ V của quốc tế cộng sản năm 1924 Nguyễn Ái Quốc đã trình bày bản báo cáo quan trọng về vấn đề dân tộc và thuộc địa. Bằng nhiều số liệu cụ thể bản báo cáo đã làm sáng tỏ và phát triển thêm một số luận điểm của Lenin về bản chất của chủ nghĩa thực dân, về nhiệm vụ của ĐCS trên thế giới trong cuộc đấu tranh chống áp bức bóc lột và giải phóng dân tộc ở các thuộc địa.

### **➤ Về chính trị**

Nguyễn Ái Quốc đã hình thành một hệ thống luận điểm chính trị:

Chỉ rõ bản chất chủ nghĩa thực dân, xác định chủ nghĩa thực dân là kẻ thù chung của dân tộc thuộc địa, của giai cấp công nhân và nhân dân lao động trên thế giới.

Xác định cách mạng giải phóng dân tộc là 1 bộ phận của cách mạng vô sản thế giới, CM giải phóng dân tộc ở các nước thuộc địa và CM chính quốc có quan hệ chặt chẽ, hỗ trợ thúc đẩy cho nhau nhưng không phụ thuộc vào nhau.

CM cần phải lôi cuốn sự tham gia của nông dân, xây dựng khối công nông làm nòng cốt, là động lực của CM, đồng thời tập hợp được sự tham gia của đông đảo các giai tầng khác.

CM muốn giành thắng lợi trước hết phải có đảng, CM nắm vai trò lãnh đạo, Đảng muốn giữ vững phải trang bị chủ nghĩa Mác – Lenin

CM là sự nghiệp của quần chúng nhân dân chứ không phải của một hai người.

### **➤ Về tổ chức**

Tháng 11/1924, Nguyễn Ái Quốc về Quảng Châu (Trung Quốc) để xúc tiến thành lập chính đảng Macxit. Tháng 2/1925 người lựa chọn một số thanh niên tích cực trong Tâm Tâm xã, lập ra nhóm cộng sản đoàn, 6/1925 thành lập hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên, là tổ chức tiền thân của Đảng tại Quảng Châu để truyền bá chủ nghĩa Mác – Lenin vào trong nước. Tháng 7/1925, Nguyễn Ái Quốc cùng tham gia sáng lập hội liên hiệp các dân tộc bị áp bức ở Á Đông cùng các nhà CM của các nước khác.

Đầu 1927, cuốn “đường cách mệnh” gồm những bài giảng của Nguyễn Ái Quốc tại các lớp huấn luyện, đào tạo cán bộ ở Quảng Châu được bộ tuyên truyền của hội liên hiệp các dân tộc bị áp bức ở Á Đông xuất bản. Tác phẩm này đề cập những tư tưởng cơ bản về chiến lược và sách lược của Cách mạng Việt Nam.

Như vậy hoạt động của hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên và tác phẩm “Đường kách mệnh” đã trực tiếp chuẩn bị mọi điều cho việc thành lập chính đảng của giai cấp vô sản ở VIỆT NAM gắn liền với vai trò quan trọng của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc.

- Không có Bác, Đảng vẫn ra đời vì đây là kết quả tất yếu của phong trào giải phóng dân tộc của nhân dân ta trong thời đại mới nhưng nếu không có Bác thì không biết khi nào Đảng mới thành lập và chất lượng của Đảng sẽ ra sao.

## **Câu 2: anh chị hãy làm rõ nội dung cơ bản của cương lĩnh chính trị đầu tiên và ý nghĩa của cương lĩnh này đối với CMVN?**

### **❖ Nội dung cơ bản của cương lĩnh chính trị đầu tiên**

- **Một là**, đường lối chiến lược của CMVN là “làm tư sản dân quyền CM và thổ địa CM để đi tới XHCS”

Như vậy, đường lối này đã đề cập hai giai đoạn của CM: CM dân tộc dân chủ nhân dân và CMXHCN. Hai cuộc cách mạng này có mối liên hệ khăng khít với nhau, đường lối này nói lên tính CM triệt để là: giải phóng dân tộc, giải phóng xã hội, giải phóng con người, độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội.

- **Hai là**, nhiệm vụ của CMVN

- + Về chính trị: đánh đổ đế quốc Pháp và địa chủ phong kiến, thực hiện khẩu hiệu “độc lập dân tộc và người cày có ruộng” thành lập chính phủ công – nông – binh và tổ chức xã hội công – nông.

- + Về kinh tế: thủ tiêu các thứ quốc trái và sản nghiệp của Pháp giao cho chính phủ quản lí, tịch thu ruộng đất của địa chủ chia cho dân cày, mở mang sản xuất công nghiệp và nông nghiệp, thi hành luật ngày làm 8h.

- + Về văn hóa, xã hội: dân chúng được tự do tổ chức và hội họp, nam nữ bình quyền, giáo dục phổ thông theo công – nông hóa.

- **Ba là**, lực lượng đánh đổ quốc và phong kiến

- + lực lượng CM bao gồm: giai cấp công nhân, giai cấp nông dân, tầng lớp tiểu tư sản và tư sản dân tộc, trong đó công – nông là gốc của CM do Đảng lãnh đạo.

Cương lĩnh viết: “Đảng phải thu phục cho được công – nông và làm cho công nông lãnh đạo được quần chúng, đồng thời phải hết sức liên lạc với tiểu tư sản, trí thức, trung nông, đối phó với phú nông, trung, tiểu địa chủ và tư sản VN mà chia rõ mặt phản CM thì phải lợi dụng trung lập, bộ phận nào ra mặt phản CM thì phải đánh đổ, không được đi theo con đường thỏa hiệp”.

- **Bốn là**, phương pháp CM trong Cách mạng dân tộc dân chủ

- + Sử dụng bạo lực CM của quần chúng, kết hợp đấu tranh chính trị với đấu tranh vũ trang giành chính quyền chứ không thể bằng con đường thỏa hiệp.

- Năm là, về CMVN với CM thế giới, phải tranh thủ sự đồng tình và giúp đỡ của CM thế giới, tiến hành CM nước mình

- Sáu là, đảng và vai trò lãnh đạo của Đảng

- + Đảng là đội tiên phong của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của cả dân tộc.

- + Đảng lấy chủ nghĩa Mác – Lenin làm nền tảng tư tưởng, làm kim chỉ nam cho hoạt động CM của mình.

- + Đảng phải thực hành nguyên tắc tập trung dân chủ và có trách nhiệm thu phục bộ phận giai cấp của mình và phải làm cho giai cấp mình lãnh đạo được CM.

- + Sự lãnh đạo của Đảng là nhân tố quyết định thắng lợi của CMVN.

### **❖ Ý nghĩa của cương lĩnh này đối với CMVN**

- Cương lĩnh này đã chỉ ra đường lối, phương pháp và những vấn đề chiến lược và sách lược đúng đắn, dẫn tới sự thống nhất về chính trị - tư tưởng – tổ chức và hoạt động CM của cả nước và chấm dứt sự khủng hoảng, bế tắc về đường lối cứu nước.

- Cương lĩnh chính trị của Đảng đã xác định đúng đắn con đường CM là giải phóng dân tộc theo hướng CM vô sản, chính là cơ sở để Đảng CSVN vừa ra đời nắm được ngọn cờ lãnh đạo phong trào CMVN, giải quyết được tình trạng khủng hoảng về đường lối cách mạng, về giai cấp lãnh đạo CM diễn ra đầu thế kỷ XX, mở ra con đường và phương hướng phát triển mới cho đất nước VN.

### Câu 3: Nội dung cơ bản của Luận cương chính trị tháng 10/1930 & so sánh với Cương lĩnh chính trị tháng 2/1930 của Đảng

#### ❖ Nội dung của luận cương lĩnh chính trị tháng 10/1930

Phương hướng chiến lược của CMVN: “Tiến hành tư sản dân quyền CM, sau khi thắng lợi tiến tới phát triển bỏ qua thời kì tư bản mà tranh đấu thẳng lên con đường XHCN”.

Nhiệm vụ của CM tư sản dân quyền: Đánh đổ các di tích phong kiến, đánh đổ mọi cách bóc lột, đánh đổ thực dân Pháp làm Đông Dương hoàn toàn toàn độc lập “trong đó vấn đề thổ địa là cái cốt lõi của Cách mạng Tư sản Dân quyền”

Lực lượng CM: giai cấp CN & giai cấp nông dân là động lực chính của CM, còn các tầng lớp bóc lột theo đế quốc tiểu tư sản thì do dự, trí thức phải hăng hái tham gia chống đế quốc lúc đầu chỉ những trí thức thất nghiệp và những phần tử lao khổ đô thị mới theo CM.

Phương pháp CM: Đảng phải chuẩn bị cho quần chúng về “con đường võ trang bạo động” và “phải tuân theo khuôn phép nhà binh” đánh đổ chính phủ địch nhân, giành chính quyền.

Về quan hệ quốc tế: CMVN là 1 bộ phận của CM thế giới phải đoàn kết với vô sản TG trước hết là vô sản Pháp và phong trào CM thuộc địa để tăng cường lực lượng của mình.

Về Đảng: Phải có 1 Đảng với đường lối chính trị đúng, kỉ luật tập trung liên hệ mật thiết với quần chúng lấy chủ nghĩa Mác – Lenin làm gốc thì lãnh đạo mới đạt mục đích cuối cùng là CN cộng sản.

#### ❖ So sánh với văn kiện tháng 2/1930

##### ✓ Điểm giống nhau

Về phương hướng: CM tư sản dân quyền và thổ địa cách mạng, bỏ qua giai đoạn TBCN để đi tới xã hội cộng sản.

Về nhiệm vụ: chống đế quốc, phong kiến để lấy lại ruộng đất và giành độc lập dân tộc.

Về lực lượng: chủ yếu là công nhân và nông dân.

Về phương pháp: sử dụng sức mạnh của số đông dân chúng Việt Nam cả về chính trị và vũ trang nhằm đạt mục tiêu cơ bản của cuộc CM là đánh đổ đế quốc và phong kiến, giành chính quyền về tay công nông.

Về vị trí quốc tế: CM Việt Nam là một bộ phận khăng khít với CM thế giới đã thể hiện sự mở rộng quan hệ bên ngoài, tìm đồng minh cho mình.

Lãnh đạo cách mạng: là giai cấp vô sản thông qua Đảng cộng sản, Đảng là đội tiên phong.

→ Sự giống nhau trên là do cả hai văn kiện đều thấm nhuần chủ nghĩa Mác-Lênin và cách mạng vô sản chịu ảnh hưởng của cách mạng tháng Mười Nga vĩ đại năm 1917.

##### ✓ Điểm khác nhau

Cương lĩnh 2/1930	Luận cương 10/1930
<b>Quan hệ quốc tế</b> CM Việt Nam là 1 bộ phận của CMTG.	CM Đông Dương là 1 bộ phận của CMTG.
<b>Nhiệm vụ:</b> Đánh đổ Pháp & phong kiến.	Đánh đổ phong kiến → thực hành CM ruộng đất → đánh đổ Pháp
<b>Lực lượng CM</b> Công – nông liên lạc với trí thức, tiểu tư sản, trung nông	Công – nông
<b>Phương pháp CM</b> Bạo lực quần chúng + đấu tranh chính trị + đấu tranh vũ trang	Võ trang bạo động

#### ❖ Đánh giá luận cương 10/1930:

##### ✓ Ưu điểm:

Luận cương 10/1930 làm sâu sắc nhiều vấn đề thuộc về chiến lược của CMVN mà cương lĩnh 2/1930 đã nêu

##### ✓ Hạn chế:

Không đặt nhiệm vụ giải phóng dân tộc lên hàng đầu mà chỉ nặng về đấu tranh giai cấp và cm ruộng đất

Chưa đoàn kết tốt, sai lầm trong đánh giá trí thức

Hội nghị phê phán văn kiện tháng 2 chỉ lo vấn đề phản đế mà quên mất lợi ích giai cấp đấu tranh dẫn đến sai lầm: thủ tiêu văn kiện tháng 2.

Tóm lại: so với cương lĩnh 2/1930 luận cương 10/1930 là một bước lùi của Đảng.

## **Câu 4: Anh chị làm rõ sự chuyển hướng chỉ đạo chiến lược của Đảng giai đoạn 1939 – 1945. Ý nghĩa của sự chuyển hướng này đối với CMT8/1945 ở Việt Nam**

Như chúng ta đã biết chiến lược của CM Việt Nam là

- + Chống đế quốc độc lập dân tộc.
- + Chống PK ruộng đất.

Quá trình chuyển hướng chỉ xảy ra trong các trường hợp sau: hoặc là tăng mức độ lên, hoặc là giảm mức độ đi. Có thể tăng mức độ cái nọ nhưng giảm mức độ cái kia và ngược lại. Như vậy là có thể thực hiện song song đồng thời các mục đích nhưng mức độ khác nhau

- Năm 1920 – 1931: song song và đẩy mạnh.
- Năm 1936 – 1939: trước tình hình phát xít nổi ra, điều chỉnh chiến lược vẫn song song nhưng giảm đi, và thêm vào chống phát xít, chống phản động...
- Năm 1939 – 1945: hai nhiệm vụ ban đầu không còn song song đồng thời như trước nữa mà nhiệm vụ chống ĐQ được đẩy mạnh để giành toàn sức lực vào độc lập dân tộc, chính sự điều chỉnh này CMT8 thắng lợi; chống phong kiến được giảm đi.

### **1. Hoàn cảnh lịch sử:**

+ Khi đảng ra đời trong cương lĩnh chính trị đã xác định cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân Việt Nam có 2 nhiệm vụ chiến lược là: chống đế quốc – chống phong kiến thực hiện song song, đồng thời để thực hiện mục tiêu độc lập dân tộc người cày có ruộng và các quyền tự do dân chủ khác.

+ Vào những năm 1930 – 1931 Đảng ta thực hiện chiến lược này.

+ Tuy nhiên vào những năm 1936 – 1939 chiến lược cách mạng Việt Nam đã có nhiều sự điều chỉnh. Lúc này chủ yếu tập trung vào chống phát xít và bọn phản động thuộc địa để thực hiện hòa bình dân chủ và cải thiện đời sống (chủ nghĩa đế quốc phát triển lên chủ nghĩa phát xít).

+ Năm 1939, phát xít đã gây ra chiến tranh thế giới lần II. Mâu thuẫn giữa dân tộc VN và đế quốc tay sai trở nên gay gắt và trở thành mâu thuẫn chủ yếu cần phải giải quyết. Do đó đại hội Đảng cần có những điều chỉnh chiến lược tức là đặt nhiệm vụ chống đế quốc và tay sai, đặt nhiệm vụ giải phóng dân tộc lên đầu, các mục tiêu dân chủ tạm thời gác lại hoặc thực hiện có mức độ.

### **2. Đảng chủ trương chuyển hướng chỉ đạo chiến lược:**

Trước tình hình thế giới và trong nước có thay đổi thì đường lối chủ trương của Đảng cũng phải thay đổi để đi đến thắng lợi

#### **a) Hội nghị TW đảng lần 6 (11/1939)**

(9/1939 chiến tranh TG II nổ ra) họp ở Bà Rịa – Hóc môn (nam bộ), có số lượng Đảng viên tham gia không nhiều lắm do tình hình căng thẳng. Nội dung của hội nghị:

+ Nhận định tình hình và mâu thuẫn ở VN xuất hiện

+ Hội nghị chủ trương điều chỉnh chiến lược CM: trước đây 2 năm nhiệm vụ chống ĐQ và phong kiến song song, đồng thời. Bây giờ đặt nhiệm vụ chống ĐQ và tay sai hàng đầu, còn nhiệm vụ chống phong kiến thì thực hiện có mức độ để tập trung mục tiêu giải phóng dân tộc.

→ Kết quả của sự điều chỉnh: đẩy lên một cao trào giải phóng dân tộc mà đỉnh cao là Bắc Sơn khởi nghĩa, nhưng chưa thành công và bị dập trong bể máu.

#### **b) Hội nghị TW Đảng lần 7 (11/1940)**

+ Hội ở Đình Bảng – Từ Sơn – Bắc Ninh. Khẳng định chủ trương điều chỉnh chiến lược của Hội nghị 6 là đúng nhưng cần bổ sung thêm.

+ Hội nghị TW này chủ trương nhiệm vụ trọng tâm của toàn Đảng, toàn dân lúc này là chuẩn bị khởi nghĩa vũ trang, là xây dựng lực lượng quần chúng, xây dựng lực lượng Đảng cho vững mạnh.

+ Hội nghị cũng chủ trương là không được khởi nghĩa một cách nóng vội.

### **c) Hội nghị TW lần 8 (5/1941) tại Pác Bó – Cao Bằng**

Tháng 2/1941 bác Hồ về nước

+ Nghị quyết TW 8: “Trong lúc này nếu không giải quyết được vấn đề giải phóng dân tộc, đòi được độc lập, tự do cho dân tộc thì chẳng những quốc gia dân tộc phải chịu mãi kiếp ngựa trâu mà quyền lợi của bộ phận giai cấp vạn năm cũng không đòi được”, “cuộc CM ở Đông Dương lúc này là cuộc CM giải phóng dân tộc”.

+ Để có lực lượng giải phóng dân tộc, hội nghị TW 8 quyết định thành lập mặt trận “Việt Nam Độc lập Đồng minh” gọi tắt là Việt Minh để đoàn kết tất cả các giai cấp, các tầng lớp nhân dân, không phân biệt dân tộc, đảng phái, xu hướng chính trị vào một mặt trận chống đế quốc thật rộng rãi thực thi nhiệm vụ giải phóng dân tộc.

+ Chuyển hướng đấu tranh tự công khai, hợp pháp và nửa hợp pháp sang đấu tranh chính trị bí mật, bất hợp pháp. “chuẩn bị khởi nghĩa vũ trang giành chính quyền là nhiệm vụ trung tâm của toàn Đảng, toàn dân lúc này”.

+ Tích cực xây dựng căn cứ địa CM và xây dựng lực lượng vũ trang để khi thời cơ đến ta đi từ khởi nghĩa từng phần chuyển dần lên đấu tranh CM toàn dân, tổng khởi nghĩa giành chính quyền toàn quốc.

+ Nghị quyết TW 8 còn chỉ rõ sau khi giành độc lập, các dân tộc sống trên bán đảo Đông Dương muốn lập ra liên bang hay đứng riêng thành một quốc gia độc lập thì tùy ý. Đối với nước ta, sau khi giành được độc lập thì lập nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, lấy cờ đỏ sao vàng năm cánh là cờ tổ quốc, chính phủ do quốc hội lập ra.

**Kết quả:** tập hợp được lực lượng, chuẩn bị được phong trào, đến thời cơ đưa cuộc khởi nghĩa giành thắng lợi.

→ Cả 3 nghị quyết TW đều có chung một nhận định “chiến tranh thế giới lần này sẽ dẫn đến vấn đề giải phóng dân tộc, hướng mọi hoạt động của toàn đảng, toàn dân cho giải phóng dân tộc”. Nhiệm vụ của giải phóng dân tộc là nhiệm vụ trước tiên của toàn Đảng toàn dân.

### **3. Ý nghĩa của sự chuyển hướng chỉ đạo chiến lược**

+ Hoàn thành đường lối giải phóng dân tộc phù hợp với tình hình thế giới và trong nước.

+ Nêu cao nhiệm vụ giải phóng dân tộc, đáp ứng nguyện vọng nhân dân.

+ Tập hợp được đông đảo lực lượng để đánh Pháp, đuổi Nhật.

+ Sự điều chỉnh chiến lược này đảm bảo cho thắng lợi CMT8 năm 1945.



## **Câu 5: Ý nghĩa lịch sử, nguyên nhân thắng lợi và bài học kinh nghiệm của CMT8 năm 1945 ở Việt Nam.**

### **a. Kết quả và ý nghĩa**

Thắng lợi của CMT8 1945 đã đập tan xiềng xích nô lệ của thực dân Pháp gần 1 thế kỷ, lật nhào chế độ quân chủ phong kiến lâu đời, đánh thắng thực dân Pháp và phát xít Nhật.

Thành quả của CMT8 dẫn tới việc lập nên nước Việt Nam Dân chủ Cộng Hòa, nhà nước Dân chủ Nhân dân đầu tiên ở khu vực Đông Nam Á. Đưa nhân dân Việt Nam từ thân phận nô lệ trở thành người làm chủ.

Thắng lợi của CMT8 đánh dấu bước phát triển nhảy vọt của lịch sử dân tộc VN đưa dân tộc ta bước vào kỷ nguyên mới, kỷ nguyên độc lập, tự do và định hướng đi lên CNXH.

Với thắng lợi của CMT8, Đảng và nhân dân ta đã làm phong phú thêm kho tàng lý luận Mác Lênin. Cung cấp thêm nhiều kinh nghiệm quý cho phong trào giải phóng dân tộc và giành quyền dân chủ trên Thế Giới.

Thắng lợi của CMT8 đã hỗ trợ, thúc đẩy, phát triển phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc của các nước trên bán đảo Đông Dương và nhiều nước trên Thế Giới.

Đánh giá thành quả và ý nghĩa của CMT8, chủ tịch Hồ Chí Minh viết: “Chẳng những giai cấp lao động và nhân dân Việt Nam ta có thể tự hào, mà giai cấp lao động và những dân tộc bị áp bức nơi khác cũng có thể tự hào rằng lần đầu tiên trong lịch sử cách mạng của các dân tộc thuộc địa và nửa thuộc địa, một Đảng mới 15 tuổi đã lãnh đạo cách mạng thành công, đã nắm chính quyền toàn quốc”.

### **b. Nguyên nhân thắng lợi**

#### **❖ Nguyên nhân khách quan:**

CMT8 nổ ra trong bối cảnh quốc tế thuận lợi, chiến tranh thế giới thứ II kết thúc, phát xít Nhật bị quân đồng minh đánh bại. Quân Nhật ở Đông Dương hoang mang cực độ. Đảng ta đã chớp thời cơ đó tổng khởi nghĩa, giành thắng lợi nhanh gọn.

#### **❖ Nguyên nhân chủ quan:**

Thắng lợi của CMT8 là kết quả tổng hợp của 15 năm kiên cường và dũng cảm của dân tộc Việt Nam do Đảng lãnh đạo.

Thắng lợi của CMT8 là do Đảng ta đã phát huy cao độ truyền thống đoàn kết và tinh thần đấu tranh kiên cường của dân tộc Việt Nam trong mặt trận Việt Minh mà nòng cốt là Liên Minh công nông do Đảng lãnh đạo.

Là do Đảng đã đề ra đường lối đúng, phương pháp cách mạng khoa học, sáng tạo và những vấn đề chiến lược, sách lược tài tình.

Thắng lợi của CMT8 là do có sự chỉ đạo sáng suốt của Đảng và Bác Hồ đã nắm vững thời cơ, sử dụng sức mạnh tổng hợp của toàn dân, tạo nên thế áp đảo, giành thắng lợi nhanh gọn.

Trong các nguyên nhân trên thì vai trò lãnh đạo của Đảng là cơ bản và quan trọng nhất.

### **c. Bài học kinh nghiệm**

Bài học kinh nghiệm có ý nghĩa khoa học và thực tiễn sâu sắc của CMT8 là Đảng ta đã không ngừng phát huy tinh thần chủ động sáng tạo kịp thời phát triển đường lối, tổ chức lại thực tiễn, điều chỉnh chiến lược, thay đổi chủ trương của tình thế. Kịp thời nắm bắt sự biến đổi của thời cuộc để lãnh đạo tổng khởi nghĩa.

6 bài học lớn:

1. Kết hợp chống đế quốc, chống phong kiến,...
2. Tích cực xây dựng lực lượng cách mạng:
  - Xây dựng lực lượng chính trị.
  - Xây dựng lực lượng vũ trang.
  - Xây dựng căn cứ địa cách mạng.
3. Triệt để lợi dụng mâu thuẫn trong hàng ngũ kẻ thù.
4. Sử dụng bạo lực cách mạng của quần chúng và toàn dân nổi dậy giành chính quyền.
5. Chọn đúng thời cơ, kết hợp thế-thời và lực giành chính quyền.
6. Xây dựng Đảng vững mạnh đáp ứng với yêu cầu của cách mạng.

## **Câu 6: chủ trương, biện pháp của Đảng để bảo vệ thành quả CM sau tháng 8/1945**

### **Bối cảnh Việt Nam sau CMT8**

Thuận lợi:

- Hệ thống XHCN và phong trào giải phóng dân tộc trên TG phát triển mạnh.
- Có Đảng, chính quyền CM lãnh đạo, quản lí, điều hành đất nước.
- Có mặt trận dân tộc thống nhất đoàn kết toàn dân mà nòng cốt là khối liên minh công nông.
- Có bác Hồ vị lãnh tụ thông minh, sáng suốt, tài giỏi uy tín tuyệt đối với dân.

Khó khăn:

- Kinh tế: chính quyền cách mạng non trẻ vừa ra đời tiếp quản 1 nền kinh tế suy kiệt, khó khăn chồng chất khó khăn
  - Văn hóa: sau cách mạng hơn 90% dân ta mù chữ, tàn dư, văn hóa phản động, đồi trụy, lạc hậu của thực dân phong kiến để lại hậu quả nặng nề
  - Chính trị: chính quyền cách mạng non trẻ vừa ra đời chưa có kinh nghiệm quản lí điều hành đất nước, lực lượng đảng viên mỏng (5000), lực lượng vũ trang chính quy nhỏ bé, vũ khí thô sơ, kinh nghiệm chiến đấu chưa nhiều
  - Quan hệ quốc tế: sau CMT8 bạn thì ở xa lại chưa có điều kiện giúp ta, chưa có nước nào công nhận độc lập và giúp ta
  - Quốc phòng an ninh: chính quyền CM vừa mới ra đời khó khăn chồng chất, lại phải đối phó với nhiều kẻ thù, nhiều kẻ thù lớn mạnh trong cùng 1 lúc
- sau CMT8 cách mạng Việt Nam gặp muôn vàn khó khăn thù trong giặc ngoài bốn bề hùm sói như rươi, vạn nước như ngàn cân treo sợi tóc vậy ta phải làm gì và làm như thế nào để giữ vững nền độc lập và chính quyền CM non trẻ.

### **Chủ trương “kháng chiến kiến quốc” của ban thường vụ TW Đảng**

Sau khi nhận định tình hình Đảng ta xác định nhiệm vụ “CMĐ D lúc này là cuộc CM dân tộc giải phóng dân tộc trên hết, tổ quốc trên hết”.

Kẻ thù chính của CM lúc này là “thực dân Pháp xâm lược”.

Mục tiêu cơ bản của CM là “bảo vệ chính quyền CM”

Nhiệm vụ cần kíp là “củng cố chính quyền CM, chống thực dân Pháp xâm lược, bài trừ nội phản, cải thiện đời sống nhân dân”

#### **Biện pháp thực hiện:**

Đối nội: xúc tiến bầu cử quốc hội, lập chính phủ chính thức, ban hành hiến pháp, xây dựng chính quyền từ TW đến cơ sở, xử lý bọn phản động đối lập, chống Pháp ở miền Nam.

Đối ngoại: kiên trì nguyên tắc “bình đẳng, tương trợ, thêm bạn bớt thù”.

Đối với Tưởng “Hoa – Việt thân thiện”.

→ chủ trương, biện pháp: đúng dịp thời đáp ứng yêu cầu xây dựng chính quyền, cm và bảo vệ thành quả cm đưa Tổ quốc vượt qua hiểm nghèo.

Ý nghĩa thực tiễn: bảo vệ được nền độc lập của đất nước, giữ vững chính quyền cách mạng, xây dựng được những nền móng đầu tiên và cơ bản cho 1 chế độ mới, chế độ Việt Nam dân chủ cộng hòa, chuẩn bị những điều kiện cần thiết trực tiếp cho cuộc kháng chiến toàn quốc sau đó.

## **Câu 7: Vì sao nhân dân Nam Bộ ngay những ngày đầu của cuộc kháng chiến chống Pháp được Bác tặng danh hiệu: “Thành đồng Tổ quốc”? Ý nghĩa của danh hiệu cao quý này?**

Cách mạng tháng Tám thành công đã đem lại cho Việt Nam ta thể và lực mới. Nước Việt Nam dân chủ cộng hòa thật sự là một nhà nước độc lập tự do. Nhân dân ta sau hơn 80 năm nô lệ dưới ách thực dân đã trở thành người làm chủ đất nước, “quyết đem tất cả tinh thần và lực lượng, tính mạng và của cải để giữ vững quyền tự do và độc lập ấy”. Đảng ta và chủ tịch Hồ Chí Minh đã đánh giá đúng tình hình, sáng suốt lái con thuyền cách mạng Việt Nam vượt qua mọi khó khăn hiểm trở, đấu tranh thắng lợi với thù trong giặc ngoài, giữ vững chính quyền cách mạng, từng bước xây dựng chế độ mới, đưa cách mạng vững bước tiến lên.

Tuy nhiên, thực tế lịch sử đã chứng minh, bên cạnh những thắng lợi lớn ấy, nhân dân ta còn có nhiều khó khăn.

Ngày 23 tháng 9, quân Pháp được quân Anh, Nhật yểm trợ, bắt đầu nổ súng xâm lược, đánh chiếm Sài Gòn rồi sau đó mở rộng ra đánh các tỉnh Nam Bộ và Nam Trung Bộ. Chúng đưa quân lên chiến đấu Phnôm Pênh – thủ đô Campuchia, chiếm thị xã Pắc Xê ở hạ Lào nhằm thực hiện nhanh chóng âm mưu khôi phục chế độ thuộc địa của chúng ở miền nam Đông Dương. Tất cả bọn phản cách mạng đều nhảy ra làm tay sai cho Pháp. Trên đất nước ta chưa bao giờ có nhiều kẻ thù như vậy. Chính quyền nhân dân lúc này còn non trẻ, thiếu thốn đủ thứ và khó khăn chồng chất. Nước Việt Nam dân chủ cộng hòa ra đời chưa có nước nào trên thế giới công nhận. Lực lượng vũ trang cách mạng chưa phải là quân đi chính quy có trang bị vũ khí, kỹ thuật hiện đại. Các chiến sĩ phần lớn xuất thân từ công nhân, nông dân, tiểu tư sản nhiệt tình, yêu nước, có ý chí và lòng căm thù giặc rất cao nhưng kinh nghiệm chiến đấu còn ít. Nền kinh tế của đất nước vốn đã nghèo nàn, lạc hậu, lại bị Pháp, Nhật vơ vét bóc lột, bị chiến tranh và thiên tai tàn phá, tài chính kiệt quệ. Vận mệnh của cách mạng Việt Nam, của dân tộc Việt Nam đứng trước thử thách vô cùng nghiêm trọng. Chính quyền dân chủ nhân dân có thể bị lật đổ. Nền độc lập dân tộc giành được có thể bị thủ tiêu. Nhân dân ta có nguy cơ trở lại cuộc sống nô lệ.

Trước hành động đánh chiếm của thực dân Pháp, ngày 23 tháng 9, Xứ Ủy Nam Bộ họp hội nghị mở rộng khẩn cấp tại phố Cây Mai (Chợ Lớn). Đồng chí Hoàng Quốc Việt, Ủy viên thường vụ ban chấp hành trung ương Đảng thay mặt trung ương dự hội nghị. Hội nghị đã phân tích tình hình, âm mưu cướp nước ta một lần nữa của thực dân Pháp và chủ trương phát động nhân dân kiên quyết kháng chiến chống xâm lược.

Chiều ngày 23 tháng 9, đồng bào Sài Gòn – Chợ Lớn triệt để đồng tình, không hợp tác với giặc. Chợ ngừng họp, xa ngừng chạy, các hiệu buôn, nhà máy đóng cửa. Bàn ghế, tủ, giường được đem ra đường làm ụ chiến đấu. Trong không khí sôi sục căm thù, các chiến sĩ tự vệ công nhân, tự vệ thanh niên, các đội xung phong công đoàn, cảnh sát chiến đấu, công an xung phong cùng toàn thể đồng bào, với mọi thứ vũ khí có trong tay, dũng cảm đánh trả bọn xâm lược. Nhiều nhà máy, kho tàng của địch bị đánh phá. Điện nước bị cắt. Các đội vũ trang đột nhập sân bay Tân Sơn Nhất, bên cảng Sài Gòn phá hủy máy bay, đốt cháy tàu Pháp, chặn đứng nhiều cuộc tấn công. Cuộc chiến đấu của nhân dân Sài Gòn-Chợ Lớn làm cho thực dân Pháp lâm vào tình trạng khốn đốn. Chúng sống trong một thành phố bị bao vây, không điện, không nước, không tiếp tế, luôn bị nhân dân ta tập kích tiêu hao, tiêu diệt. Cuối tháng 10, có quân tăng viện từ Pháp sang, lại được quân Anh, Nhật phối hợp, lực lượng mạnh hơn ta gấp bội, giặc Pháp phá vỡ vòng vây Sài Gòn-Chợ Lớn, đánh rộng ra chiếm các đường giao thông, các tỉnh lỵ ở Nam Bộ và một số vùng thuộc các tỉnh cực Nam Trung Bộ.

Ngày 20 tháng 10, hội nghị Xứ Ủy mở rộng do đồng chí Hoàng Quốc Việt chủ trì đã họp tại Thiên Hộ, huyện Cái Bè, tỉnh Mỹ Tho. Các đồng chí Lê Duẩn, Tôn Đức Thắng và một số đồng chí khác vừa từ nhà tù Côn Đảo trở về đã tham dự hội nghị. Hội nghị kiểm điểm, rút kinh nghiệm chỉ đạo kháng chiến, biểu dương tinh thần chiến đấu ngoan cường của nhân dân Nam Bộ. Hội nghị quyết định phương hướng giải quyết những vấn đề cấp bách như: chỉnh tổ chức và tăng cường sự lãnh đạo của Đảng bộ về mọi mặt, trước hết là lãnh đạo lực lượng vũ trang, kiên trì, giữ vững và đẩy mạnh cuộc kháng chiến nhằm làm thất bại âm mưu “đánh nhanh thắng nhanh” của thực dân Pháp. Hội nghị chủ trương lập ra các Ủy ban kháng chiến của khu, xây dựng cơ sở bí mật trong vùng địch tạm chiếm, khôi phục chính quyền của ta ở những nơi bị tan vỡ. Sau hội nghị, các cán bộ và Đảng viên trung kiên của Đảng bộ vượt qua mọi khó khăn gian khổ, kiên trì đi sâu, bám sát quần chúng, gây dựng lại phong trào, phát triển cơ sở chính trị và cơ sở vũ trang.

Trung ương Đảng, chính phủ, chủ tịch Hồ Chí Minh và đồng bào cả nước theo dõi từng tình hình chiến sự ở Nam Bộ. Trong thư gửi đồng bào Nam bộ 26 tháng 9, chủ tịch Hồ Chí Minh nói rõ cuộc kháng chiến ở Nam Bộ được Chính phủ và đồng bào cả nước ủng hộ. Người biểu dương những tấm gương chiến đấu dũng cảm của quân và dân Nam Bộ, nêu rõ quyết tâm của toàn dân ta “thà chết tự do còn hơn sống nô lệ”. Người khẳng định: “Chúng ta nhất định thắng lợi vì chúng ta có lực lượng đoàn kết của toàn dân. Chúng ta nhất định thắng lợi vì cuộc đấu tranh của chúng ta là chính nghĩa”.

Đảng, Chính phủ và mặt trận Việt Minh phát động trong cả nước một phong trào ủng hộ cuộc kháng chiến ở Nam Bộ và Nam Trung Bộ, đồng thời tích cực chuẩn bị đối phó với âm mưu mở rộng chiến tranh ra cả nước của Pháp. Hàng vạn thanh niên nô nức lên đường chiến đấu. Hầu hết các tỉnh Bắc Bộ, Bắc Trung Bộ đều thành lập các chi đội gửi vào miền Nam giết giặc (Chi đội có biên chế tương đương một trung đoàn). “Ngày Nam Bộ”, “Phòng Nam Bộ” là

những hình thức tổ chức phong phú nhằm quyên góp thuốc men, quần áo, vũ khí chi viện cho cuộc kháng chiến ở miền Nam. Phong trào Nam tiến cùng với phong trào nhân dân cả nước ủng hộ cuộc kháng chiến của đồng bào Nam Bộ chứng tỏ ngay từ khi bắt đầu xâm lược Việt Nam một lần nữa, giặc Pháp đã vấp phải sức mạnh của nhân dân cả nước đứng lên đánh giặc.

Tháng 2 năm 1946, chủ tịch Hồ Chí Minh thay mặt chính phủ tặng đồng bào miền Nam danh hiệu vẻ vang “Thành đồng Tổ quốc”. Đó là một vinh dự vô cùng to lớn, là một danh hiệu rất xứng đáng với sự đóng góp của quân và dân Nam Bộ. Có thể nói, danh hiệu đã góp phần làm trỗi dậy tinh thần tự hào dân tộc, từ đó cổ vũ mạnh mẽ lòng yêu nước và căm thù giặc sâu sắc của quân dân Nam Bộ nói riêng và đồng bào cả nước nói chung.

## **Câu 8: Đường lối kháng chiến chống Pháp và can thiệp Mỹ của Đảng. Ý nghĩa của đường lối này với cách mạng Việt Nam.**

### **1. Hoàn cảnh lịch sử:**

Sau 16 tháng kháng chiến kiên quốc, thể và lực lượng của ta tăng lên rất nhiều, kẻ thù ngoại xâm còn một mình Pháp. Với bản chất và hành động ngang ngược, ta chỉ còn một con đường đánh Pháp để cứu quốc.

20/11/1946, Pháp đánh ta ở Hải Phòng và Lạng Sơn

17/12/1946, Pháp gây ra vụ thảm sát ở Hàng Bún, Hà Nội.

18/12/1946, Pháp gửi tối hậu thư đòi tước vũ khí và lực lượng vũ trang của ta ở thủ đô

20h, 19/12/1946, cuộc kháng chiến toàn quốc bùng nổ, Bác kêu gọi toàn quốc kháng chiến.

### **2. Đường lối kháng chiến của Đảng:**

Quá trình hình thành đường lối được thể hiện trong 4 văn kiện:

Nghị quyết thường vụ TW 18/12/1946

Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến của Bác phát đi lúc 20h ngày 19/12/1946

Chỉ thị toàn dân kháng chiến của TW 22/12/1946

Báo cáo chính trị Đại Hội toàn quốc lần thứ II (1951) của Đảng.

#### Nội dung đường lối kháng chiến

Mục đích và nhiệm vụ: Đánh đổ thực dân Pháp và bè lũ tay sai, thực hiện hòa bình, độc lập thống nhất và phát triển chế độ dân chủ mới.

Tính chất: là cuộc cách mạng giải phóng dân tộc, là cuộc đấu tranh nhân dân chính nghĩa.

Nội dung, cốt lõi, phương châm: kháng chiến toàn dân, kháng chiến toàn diện, kháng chiến lâu dài, tự lực tự cường, nhất định thắng lợi.

→ Đây chính là sự kết tinh trí tuệ của toàn Đảng, toàn quân và toàn dân ta.

#### Ưu điểm của đường lối:

Kháng chiến toàn dân: Bác kêu gọi: “Bất kỳ đàn ông đàn bà, bất kỳ người già người trẻ, không chia Đảng phái, tôn giáo, dân tộc, hễ ai là người Việt nam thì phải đứng lên, cầm vũ khí đánh thực dân Pháp cứu Tổ quốc. Ưu điểm: làm thay đổi tương quan lực lượng, biến mỗi người dân thành một chiến sĩ, biến cả nước thành chiến trường, tạo ra thế trận quốc phòng toàn dân, chiến tranh nhân dân, tạo cho ta có điều kiện bao vây, chia cắt, tiêu hao, tiêu diệt sinh lực địch.

Kháng chiến toàn diện: là kháng chiến trên tất cả các lĩnh vực, các mặt trận: chính trị, kinh tế, xã hội, văn hóa, quân sự...

Vì nó đánh ta toàn diện nên ta phải đánh nó toàn diện.

Ta kháng chiến toàn diện sẽ phát huy sức mạnh tổng hợp của dân tộc, của mọi người trên mọi lĩnh vực, tạo ra thế và lực để ta đánh thắng kẻ thù.

Trường kì kháng chiến: (kháng chiến lâu dài) do tương quan lực lượng: lúc đầu địch mạnh, nó hung hăng, tàn bạo. Khi đánh kẻ địch mạnh, phải đánh lâu dài để bảo toàn lực lượng, để từng bước chuyển dần thế và lực có lợi cho ta.

Địch mạnh nên chiến lược của nó là “đánh nhanh thắng nhanh”, ta đánh lâu dài để phá vỡ thế chiến lược của nó, buộc nó phải chuyển sang ý đồ của ta, ta có thời gian để khai thác điểm yếu của địch, sử dụng lợi thế của ta để đánh địch.

Bác nói “Ta phải kháng chiến trường kì còn vì: đất ta hẹp, dân ta ít, nước ta nghèo. Địch nó có vô quýt dày, ta phải có thêm thời gian mài sắc móng tay nhọn mới xé toạc được nó ra”. “Kháng chiến trường kì không phải là kéo dài chiến tranh ra mãi mà chỉ để chuẩn bị điều kiện thắng lợi. Khi có đủ điều kiện rồi thì ta phải kết thúc kháng chiến càng nhanh càng tốt.

Tự lực tự cường: là phải chủ động xây dựng lực lượng cách mạng, đem sức ta mà giải phóng cho ta, không được ỷ lại, trông chờ vào bên ngoài.

Tự lực tự cường không có nghĩa là không tiếp nhận và tranh thủ sự giúp đỡ từ bên ngoài. Khi có điều kiện phải tranh thủ sự giúp đỡ của bạn bè thế giới.

Nhất định thắng lợi: khẳng định tương lai của cuộc kháng chiến, niềm tin tất thắng của Đảng và nhân dân ta vào sức mạnh của chính mình.

### **3. Ý nghĩa:**

Việc đề ra và thực hiện thắng lợi đường lối kháng chiến, xây dựng chế độ dân chủ nhân dân mang ý nghĩa vô cùng to lớn và sâu sắc đối với cách mạng Việt Nam. Trước hết, nó làm thất bại cuộc chiến tranh xâm lược của thực dân Pháp (cuộc chiến tranh đã được đế quốc Mỹ giúp sức ở mức độ cao), làm thất bại âm mưu mở rộng và kéo dài chiến tranh của đế quốc Mỹ, buộc chúng phải kết thúc chiến tranh, lập lại hòa bình ở Đông Dương đồng thời công nhận độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ của nước ta và các nước Đông Dương. Hơn nữa, việc đề ra và thực hiện thắng lợi đường lối đã góp phần giải phóng hoàn toàn miền Bắc, tạo điều kiện để miền Bắc tiến lên chủ nghĩa xã hội làm căn cứ địa, hậu thuẫn cho cuộc đấu tranh ở miền Nam. Và quan trọng hơn hết là nó giúp tăng thêm niềm tự hào dân tộc cho nhân dân ta, giúp nhân dân ta vững tin hơn vào Đảng, đồng thời giúp nâng cao uy tín của Việt Nam trên trường quốc tế.

## **Câu 9: Ý nghĩa lịch sử, nguyên nhân thắng lợi và bài học kinh nghiệm của cuộc kháng chiến chống Pháp ở Việt Nam.**

### **1. Ý nghĩa lịch sử:**

Đánh giá về ý nghĩa lịch sử của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược, Bác nói: “Lần đầu tiên trong lịch sử, một nước thuộc địa nhỏ yếu đã đánh thắng một nước thực dân hùng mạnh. Đó là một thắng lợi vẻ vang của nhân dân Việt Nam, đồng thời cũng là một thắng lợi của các lực lượng hòa bình, dân chủ và xã hội chủ nghĩa trên thế giới”. Thật vậy, thắng lợi này có ý nghĩa vô cùng sâu sắc và rộng lớn, vừa mang tính dân tộc, vừa mang tính quốc tế, nó viết nên trang sử vẻ vang, hào hùng của dân tộc Việt Nam.

Thắng lợi của ta buộc Pháp phải rút quân khỏi Đông Dương, miền Bắc được giải phóng và đi lên Chủ nghĩa xã hội, tạo điều kiện cho cuộc kháng chiến chống Mỹ về sau thắng lợi.

Thắng lợi của nhân dân ta đã ghi lại hình ảnh vô cùng nhọc nhãi của quan đội viễn chinh Pháp tại chiến trường Điện Biên Phủ, nó mở đầu cho sự sụp đổ của chủ nghĩa thực dân cũ, nó cổ vũ phong trào giải phóng dân tộc, dân chủ, hòa bình, tiến bộ và CNXH trên thế giới.

Thắng lợi của ta khẳng định: một dân tộc dù nhỏ yếu nhưng khi đã đoàn kết, một lòng chiến đấu dưới sự lãnh đạo của Đảng cộng sản chân chính để giành độc lập tự do thì sẽ có đủ lực lượng và điều kiện để đánh thắng kẻ thù mạnh.

### **2. Nguyên nhân thắng lợi:**

Thắng lợi của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và sự can thiệp của Mỹ là kết quả tổng hợp của nhiều nguyên nhân, trong đó, nổi bật là:

➤ Do Đảng đề ra đường lối, phương pháp cách mạng đúng đắn, sự chỉ đạo tài tình, sáng suốt, sâu sát của Đảng, Chính phủ và Bác Hồ kính yêu.

➤ Do có khối đoàn kết toàn dân trong mặt trận thống nhất, mà nòng cốt là khối liên minh công nông do Đảng lãnh đạo.

➤ Do có tinh thần chiến đấu anh hùng, bất khuất, kiên cường, dũng cảm và sáng tạo của nhân dân cả nước, đặc biệt là quân đội nhân dân Việt Nam anh hùng.

➤ Do có hậu phương, căn cứ địa vững chắc và không ngừng được mở rộng, đáp ứng yêu cầu vật chất và tinh thần, đảm bảo cho kháng chiến lâu dài và thắng lợi.

➤ Do có chính quyền dân chủ nhân dân, của dân, do dân và vì dân được giữ vững, củng cố và lớn mạnh, làm công cụ sắc bén tổ chức toàn dân kháng chiến, xây dựng chế độ mới.

➤ Do Pháp tiến hành cuộc chiến tranh phi nghĩa, tàn bạo, mắc nhiều sai lầm chiến lược.

➤ Do cuộc kháng chiến của ta là chính nghĩa nên đã nhận được sự cổ vũ và sự ủng hộ của các nước XHCN, Trung Quốc, Liên Xô, nhân dân yêu chuộng hòa bình trên thế giới, kể cả nhân dân tiến bộ Pháp. Đồng thời do có sự liên minh đoàn kết, chiến đấu keo sơn giữa ba dân tộc Việt Nam, Lào, Campuchia.

### **3. Bài học kinh nghiệm:**

Qua quá trình lãnh đạo, tổ chức cuộc kháng chiến kiến quốc, Đảng đã tích lũy được nhiều kinh nghiệm quan trọng:

Thứ nhất, xác định đúng kẻ thù, đề ra đường lối đúng đắn và quán triệt sâu rộng đường lối đó cho toàn Đảng, toàn dân thực hiện. Đó là đường lối chiến tranh nhân dân, kháng chiến toàn dân, toàn diện, lâu dài, dựa vào sức mình là chính.

Thứ hai, kết hợp chặt chẽ, đúng đắn nhiệm vụ chống đế quốc với nhiệm vụ chống phong kiến và xây dựng chế độ dân chủ nhân dân, gây mầm mống cho chế độ CNXH, trong đó nhiệm vụ tập trung hàng đầu là chống đế quốc, giải phóng dân tộc, bảo vệ chính quyền cách mạng.

Thứ ba, thực hiện phương châm vừa kháng chiến, vừa xây dựng chế độ mới, xây dựng hậu phương ngày càng vững mạnh để có tiềm lực mọi mặt, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của cuộc kháng chiến.

Thứ tư, quán triệt tư tưởng chiến lược kháng chiến gian khổ và lâu dài, đồng thời tích cực, chủ động đề ra và thực hiện phương thức tiến hành chiến tranh và nghệ thuật quân sự sáng tạo, kết hợp đấu tranh quân sự với đấu tranh ngoại giao, đưa kháng chiến thắng lợi.

Thứ năm, tăng cường công tác xây dựng của Đảng, nâng cao sức chiến đấu và hiệu lực lãnh đạo của Đảng trong chiến tranh.



## **Câu 10: Nội dung cơ bản của nghị quyết 15 của đảng và ý nghĩa của NQ này đối với cuộc KC của nhân dân ta ở miền nam 1959-1960**

### **\*Bối cảnh lịch sử:**

Đây là giai đoạn đế quốc mỹ từng bước thiết lập chế độ chủ nghĩa thực dân kiểu mới ở miền nam và xây dựng chính quyền tay sai Ngô Đình Diệm từng bước xé bỏ hiệp định genever đàn áp ptrào đấu tranh of ndân ta. Thực hiện chính sách tổ cộng diệt công với phương châm giết nhảm còn hơn bỏ sót. Vì vậy ptrào cm miền nam chịu những tổn thất hết sức nặng nề. Về phía ta Đảng kiên trì lãnh đạo ndân đtranh ctri.

Tuy nhiên trước những đòi hỏi of ptrào CM miền nam Đảng ta đã từng bước tìm tòi để xdựng đường lối CM ở mnam và đc đánh dấu bằng nghị quyết hội nghị TƯ lần 15 tháng 1 năm 1959.

### **\*Nội dung nghị quyết:**

Hội nghị chỉ rõ 2 mâu thuẫn cơ bản của xh Việt Nam. Một là : mâu thuẫn giữa một bên là chđq xlvược, g/c địa chủ pkiến và bọn tư sản mại bản quan liêu thống trị ở mnam và một bên là toàn thể dân tộc Việt Nam, bao gồm nhân dân miền Bắc và nhân dân miền Nam. Hai là, giữa con đường XHCN với con đường TBCN ở miền Bắc. Tuy tính chất khác nhau 2 mâu thuẫn cơ bản có mối quan hệ biện chứng và tác động lẫn nhau.

Xây dựng lực lượng CM: giai cấp công nhân, nông dân, tiểu tư sản, tsan đtoc do giai cấp công nhân lãnh đạo.

Phương pháp CM: sử dụng bạo lực CM của quần chúng, kết hợp đấu tranh chính trị với đấu tranh vũ trang, đánh đổ đế quốc và phong kiến, dựng lên chính quyền CM của nhân dân.

Phương châm tác chiến: đánh lâu dài, dựa vào sức mình là chính, từng bước chuyển hướng tình hình đi tới giành thắng lợi

Căn cứ vào sự ptích mâu thuẫn xh nước ta, hội nghị nhất trí đề ra nhiệm vụ CM Việt Nam trong giai đoạn CM mới. Nhiệm vụ cơ bản và trc mắt là gphóng miền nam khỏi ách thống trị đế quốc và pkiến, hoàn thành cm dân tộc, dân chủ ở miền nam, thực hiện độc lập dân tộc và người cày có ruộng , góp phần xd một đất nc hoà bình, thống nhất độc lập, dân chủ và giàu mạnh.

Nhiệm vụ trước mắt là đoàn kết toàn dân, kiên quyết đấu tranh chống đế quốc xâm lược và gây chiến , đánh đổ độc tài thống trị độc tài Ngô Đình Diệm, tay sai đế quốc mỹ , thành lập một số chính quyền liên hiệp dân tộc, dân chủ ở miền nam. thực hiện độc lập dân tộc và các quyền tự do dân chủ, cải thiện đời sống cho nhân dân, giữ vững hoà bình, thực hiện thống nhất nước nhà trên cơ sở độc lập và dân chủ, tích cực bảo vệ hoà bình ở ĐNÁ và trên thế giới. Đồng thời củng cố Đảng bộ m.nam vững mạnh, xd mặt trận dân tộc thống nhất, xd lực lượng bên trong vững mạnh

Con đường phát triển cơ bản của cách mạng miền nam là khởi nghĩa giành chính quyền về tay nhân dân. Đó là con đường lấy sức mạnh của quần chúng dựa vào lực lượng chính trị của quần chúng là chủ yếu kết hợp với lực lượng vũ trang để đánh đổ ách thống trị của đế quốc và phong kiến, thiết lập chính quyền cách mạng của nhân dân

Nghị quyết 15 chủ trương cách mạng miền nam cần có mặt trận dân tộc thống nhất riêng với tính chất, nhiệm vụ và thành phần thích hợp nhằm tập hợp rộng rãi tất cả các lực lượng chống đế quốc mỹ và tay sai đảng ta cần nghiên cứu và chủ động và sử dụng khunh hướng hoà bình, trung lập đang nảy nở trong tư sản độc và trí thức lớp trên, coi trọng công tác binh vận, triệt để lợi dụng mâu thuẫn của chế độ mỹ diệm, tranh thủ thêm bạn bớt thù

Cuộc khởi nghĩa của nhân dân miền nam có thể chuyển thành cuộc đấu tranh trường kỳ

Chủ trương thành lập một mặt trận dân tộc thống nhất riêng cho miền nam để tập hợp lực lượng đánh đổ đế quốc và phong kiến

### **\*Ý nghĩa:**

Như vậy, có thể thấy rằng Nghị quyết 15 ra đời là vô cùng cần thiết, đáp ứng đúng đòi hỏi của tình thế cách mạng, giải quyết kịp thời yêu cầu phát triển của cách mạng Việt Nam ở Miền Nam, khi tình thế đã đầy đủ và chín muồi, giải tỏa nỗi bức xúc bị kìm nén và nguyện vọng tha thiết của cán bộ, chiến sĩ, đồng bào Miền Nam. Nghị quyết 15 như ngọn đuốc soi sáng con đường phát triển của cách mạng Việt Nam ở Miền Nam, là cơ sở trực tiếp cho phong trào Đồng khởi nổ ra và giành thắng lợi. Kết quả to lớn và dễ nhận thấy của phong trào Đồng khởi là sự khôi phục hoạt động của Đảng bộ Miền Nam. Đội quân đấu tranh chính trị, đặc biệt là "đội quân tóc dài", một lực lượng đấu tranh độc đáo và hiệu quả của phụ nữ Nam Bộ ra đời. Cũng từ phong trào Đồng khởi, lực lượng vũ trang ba thứ quân từng bước củng cố, phát triển về số lượng và chất lượng. Phong trào Đồng khởi thực sự là một mốc son lịch sử đánh dấu bước chuyển giai đoạn cách mạng quan trọng, đẩy Mỹ và chính quyền, quân đội Sài Gòn vào thế bị động chống đỡ và thất bại.

Với đường lối và phương pháp cách mạng đúng đắn, Đảng ta đã chỉ đạo nhân dân Miền Nam đứng lên tiến hành cuộc Đồng khởi vĩ đại, đánh một đòn chí tử vào hình thức thống trị thực dân mới của đế quốc Mỹ, tạo ra một bước ngoặt đi lên cho cách mạng Miền Nam, buộc Mỹ phải thay đổi chiến lược chiến tranh, chuyển sang tiến hành "chiến tranh đặc biệt" với sự dính líu và sa lầy ngày càng tăng ở Việt Nam.

Nghị quyết 15 đã giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa nhiệm vụ đấu tranh cách mạng giải phóng Miền Nam, đánh đổ sự thống trị của Mỹ-Diệm, với nhiệm vụ xây dựng, củng cố bảo vệ Miền Bắc, hậu phương lớn và trực tiếp của



cách mạng Miền Nam. Đồng thời, Nghị quyết 15 cũng góp phần xác định và giải quyết tốt mối quan hệ giữa cách mạng Việt Nam và phong trào cách mạng, đấu tranh bảo vệ hòa bình, giải phóng dân tộc trên thế giới.

## **Câu 11: Đường lối Cách mạng Việt Nam trong giai đoạn mới do ĐH Đảng TW lần thứ III đã đề ra và ý nghĩa của đường lối này đối với công cuộc xây dựng CNXH ở miền Bắc.**

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của đảng đã họp tại thủ đô HN từ ngày 5 đến ngày 10 tháng 9 năm 1960, có 525 đại biểu chính thức và 51 đại biểu dự khuyết thay mặt cho hơn 50 vạn đảng viên trong cả nước. Gần 20 đoàn đại biểu các đảng anh em trên TG đã tới dự.

Tên cơ sở phân tích đánh giá tình hình TG và trong nước. Đại hội đã xác định đường lối chiến lược chung của CM Việt Nam trong giai đoạn mới là:

"Tăng cường đoàn kết toàn dân, kiên quyết đấu tranh giữ vững hòa bình, đẩy mạnh cách mạng XHCN ở miền bắc, đồng thời đẩy mạnh cm dt dân chủ nhân dân ở miền nam, thực hiện thống nhất nước nhà trên cơ sở độc lập và dân chủ; xây dựng một nước Việt Nam hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh. Thiết thực góp phần tăng cường phe XHCN và bảo vệ hòa bình ở đông nam châu á và tg".

Như vậy hai miền có 2 chiến lược cách mạng khác nhau:

- Miền Bắc, tiến nhanh, tiến mạnh, tiến vững chắc lên cnxh. CMXHCN m bắc có vai trò quyết định nhất đối với sự phát triển của CM Việt Nam, đối với sự nghiệp thống nhất nước nhà.

- Miền Nam, tiếp tục cách mạng dt dân chủ nhân dân nhằm giải phóng miền nam khỏi ách thống trị của ĐQ mỹ và tay sai, thực hiện thống nhất nước nhà, hoàn thành độc lập và dân chủ trong cả nước. Đại hội xác định: hai chiến lược đó có quan hệ mật thiết với nhau và thúc đẩy lẫn nhau, nhằm thực hiện mục tiêu chung trước mắt của CM Việt Nam là thực hiện 1 nước Việt Nam hòa bình, độc lập,thống nhất, dân chủ và giàu mạnh, đều nhằm giải quyết mâu thuẫn chung của nước là mâu thuẫn giữa nhân dân ta với đế quốc Mỹ và bọn tay sai của chúng.

Đại hội cũng đã chỉ rõ vị trí nhiệm vụ cụ thể của cách mạng mỗi miền:

+ Nhiệm vụ cách mạng XHCN ở miền bắc có vị trí quyết định nhất đối với sự phát triển của toàn bộ CM Việt Nam và đối với sự nghiệp thống nhất nước nhà, vì miền Bắc XHCN vững mạnh sẽ là căn cứ địa cách mạng chung của cả nước.

+ Nhiệm vụ cách mạng dt dân chủ nhân dân ở miền nam có vị rất quan trọng, nó có tác dụng quyết định trực tiếp đối với sự nghiệp giải phóng miền nam khỏi ách thống trị của ĐQ mỹ và bè lũ tay sai, thực hiện hòa bình thống nhất nước nhà, hoàn thành cách mạng dt dân chủ nhân dân trong cả nước.

- Thực tiễn là nước ta chứng minh rằng đường lối trên đây đã phản ánh đúng quy luật vận động của cách mạng từng miền và quy luật chung của cách mạng cả nước trong giải phóng ls 1954-1975.

- Đường lối đó thể hiện tinh thần độc lập tự chủ của đảng trong việc tìm ra lời giải đúng đắn nhất cho bài toán khó khăn, tương chừng nam giải trong bối cảnh trong nước và quốc tế có nhiều diễn biến phức tạp(đó là: đất nước bị chia cắt, kinh tế nghèo nàn lạc hậu; hậu quả chiến tranh tàn phá nặng nề; kẻ thù chính là ĐQ mỹ-1 ĐQ giàu mạnh nhất, có nhiều âm mưu, thủ đoạn xâm lược; phong trào cộng sản và công nhân quốc tế lúc đó tay vẫn đang phát triển, nhưng đã có những khuynh hướng hòa hoãn với CNĐQ và đã nảy sinh những bất đồng trong nội bộ...)

- Đường lối đó thể hiện tính chất nhất quán của đường lối giương cao ngọn cờ độc lập dt và CNXH, đã được đảng đề ra từ đầu năm 1930, trong cương lĩnh chính trị đầu tiên của đảng.

- Đường lối đó thể hiện sự vận dụng sáng tạo học thuyết Mác-LêNin và Tư tưởng Hồ Chí Minh về việc giải quyết mối quan hệ giữa dt và giai cấp; giữa độc lập dt và CNXH; giữa chiến tranh và cách mạng; giữa đấu tranh cách mạng và bảo vệ hòa bình; giữa nhiệm vụ dt và nhiệm vụ quốc tế; giữa mục tiêu trước mắt và mục tiêu lâu dài...

Đường lối chiến lược đó là cơ sở quan trọng để đảng và nhân dân ta phấn đấu giành nhiều thành tựu to lớn trong sự nghiệp bảo vệ và xây dựng CNXH ở miền bắc, hoàn thành sự nghiệp giải phóng miền nam, thực hiện độc lập, thống nhất đất nước.

Đại hội đã thông qua những nhiệm vụ và mục tiêu chủ yếu của kế hoạch 5 năm lần thứ nhất (50-65). Đại hội đã bầu ra Ban chấp hành TW mới gồm 47 ủy viên chính thức và 31 ủy viên dự khuyết. Đồng chí HCM được bầu làm Chủ tịch đảng và đồng chí Lê duẩn được bầu làm bí thư thứ nhất ban chấp hành TW đảng.

### **Ý nghĩa:**

- Đại hội đảng toàn quốc lần thứ III có ý nghĩa là rất to lớn, là đại hội xác định CM Việt Nam tiến hành đồng thời 2 chiến lược cách mạng, đại hội xây dựng CNXH ở miền bắc và đấu tranh thực hiện hòa bình thống nhất nước nhà là phù hợp với thực tiễn nước ta và xu hướng phát triển của thời đại

- Đường lối này phát huy cao độ sức mạnh của độc lập dân tộc và CNXH. Sức mạnh của hậu phương và sức mạnh tiền tuyến, sức mạnh dân tộc và sức mạnh thời đại tạo nên sức mạnh tổng hợp để ta đánh Mỹ và thắng Mỹ.

- Đường lối này làm phong phú thêm kho tàng lý luận mác lê nin, cung cấp thêm nhiều kinh nghiệm quý cho CM thế giới.

- Với đặc điểm từ một nền kinh tế nông nghiệp lạc hậu tiến thẳng lên CNXH không qua phát triển TBCN, đại hội III khẳng định cuộc cách mạng XHCN ở miền Bắc là một quá trình cải biến cách mạng về mọi mặt trong đó lấy nông nghiệp là khâu cải tạo chính.

- Thực hiện công nghiệp hoá được coi là nhiệm vụ trung tâm của cả thời kỳ quá độ lên CNXH.
- Đẩy mạnh cách mạng tư tưởng văn hoá và kỹ thuật.
- Tăng cường lực lượng quốc phòng xây dựng quân đội tiến lên chính quy hiện đại
- Tăng cường đoàn kết quốc tế XHCN tranh thủ sự giúp đỡ của các nước XNCH anh em.

## **Câu 12: Nội dung cơ bản của đường lối kháng chiến chống Mỹ cứu nước trong Nghị quyết Trung ương 11 và 12 (1965). Ý nghĩa đường lối này trong quá trình thực hiện cuộc kháng chiến chống Mỹ xâm lược ( 1965 - 1975).**

### **a) Hoàn cảnh lịch sử:**

Từ đầu 1965, bị sa lầy trong cuộc chiến tranh đặc biệt và để tìm cách tránh một sự thất bại hiển nhiên, bọn đế quốc Mỹ đã đưa vào miền nam Việt Nam hàng vạn lính Mỹ và chư hầu của chúng. Đồng thời, từ 2/1965, đế quốc Mỹ gây chiến tranh phá hoại trên miền Bắc bằng không quân và hải quân nhằm ngăn chặn sự chi viện của miền Bắc đối với miền Nam Việt Nam, phá hoại công cuộc xây dựng CNXH ở miền Bắc và tuyên bố “đưa miền Bắc Việt Nam về thời kỳ đồ đá”. Trước tình hình đó, Đảng ta đã quyết định phát động cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước trên phạm vi toàn quốc. Với cách mạng, nước ta có rất nhiều thuận lợi nhưng cũng có rất nhiều thách thức như:

### **Thuận lợi:**

Ở miền Bắc, kế hoạch 5 năm lần thứ nhất đã đạt và vượt các chỉ tiêu về kinh tế, văn hóa. Sự chi viện sức người, sức của của miền Bắc cho cách mạng miền Nam được đẩy mạnh cả theo đường bộ và đường biển.

Ở miền Nam, từ 1963 cuộc chiến tranh của quân dân ta đã có bước phát triển mới. 3 công cụ của chiến tranh đặc biệt (ngụy quân, ngụy quyền, áp chiến lược) đều bị quân dân ta tấn công liên tục. Đến đầu 1965, chiến lược chiến tranh đặc biệt của đế quốc Mỹ được triển khai đến mức cao nhất, đã cơ bản bị phá sản.

### **Khó khăn:**

Sự bất đồng giữa Liên Xô và Trung Quốc càng trở nên sâu sắc và không có lợi cho cách mạng Việt Nam.

Việc đế quốc Mỹ mở chiến tranh cục bộ ở ạt đưa quân đội viễn chinh Mỹ và các nước chư hầu vào trực tiếp xâm lược miền Nam Việt Nam đã làm cho tương quan lực lượng trở nên bất lợi cho ta.

**b) Đường lối kháng chiến chống Mỹ cứu nước của Đảng ta trong nghị quyết trung ương 11 và 12 (1965):** Trước tình hình trên, Đảng ta đã họp HNTW 11 (3/1965) và HNTW 12 (12/1965). Đây là 2 HN đặc biệt đã đề ra đường lối ĐÁNH MỸ VÀ THẮNG MỸ.

### **Nhận định tình hình:**

Dù Mỹ có ồ ạt đổ quân Mỹ và chư hầu tham chiến nhưng tính chất của cuộc chiến tranh là không thay đổi. Mỹ triển khai chiến lược mới trong thế thua nhưng Mỹ không dễ dàng chấp nhận thất bại vì Mỹ thua hậu quả đối với Mỹ là khôn lường.

- Cuộc đụng đầu lịch sử giữa ta và Mỹ đã bước sang giai đoạn gay go và quyết liệt nhất.
- Quyết tâm của ta là: “chống Mỹ cứu nước là nhiệm vụ thiêng liêng của cả dân tộc ta từ nam chí bắc, kiên quyết đánh bại đế quốc Mỹ trong bất kỳ tình huống nào nhằm bảo vệ miền Bắc, giải phóng miền Nam thống nhất đất nước”.
- Ngày 17/07/1966 bác Hồ khẳng định “chiến tranh có thể kéo dài 5 năm, 10 năm, 20 năm hoặc lâu hơn nữa. Hà Nội, Hải Phòng và một số thành phố, xí nghiệp có thể bị tàn phá. Song nhân dân Việt Nam quyết không sợ. KHÔNG CÓ GÌ QUÝ HƠN ĐỘC LẬP TỰ DO”.
- Nhiệm vụ của miền Bắc là phải nhanh chóng chuyển hướng kinh tế, kết hợp kinh tế với quốc phòng. Kiên quyết đánh bại chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ, chi viện tích cực cho miền Nam và sẵn sàng đánh bại địch nếu chúng liều lĩnh mang bộ binh ra miền Bắc.
- Nhiệm vụ của miền Nam là giữ vững thế chiến lược, tiến công và liên tục tiến công, kiên trì phương châm đánh lâu dài dựa vào sức mình là chính. Đẩy mạnh 3 mặt giáp công, đánh địch trên 3 vùng chiến lược, giành thắng lợi trong thời gian tương đối ngắn.
- Mối quan hệ giữa 2 miền:

Miền Bắc chính là hậu phương lớn, miền Nam vẫn là tiền tuyến lớn. Phải kiên trì chiến đấu và thắng địch trên chiến trường miền Nam, kiềm chế và thắng Mỹ trong chiến tranh phá hoại miền Bắc.

Phải nắm vững 2 nhiệm vụ chiến lược bảo vệ miền Bắc và giải phóng miền Nam, 2 nhiệm vụ không được tách rời nhau, phải hỗ trợ cho nhau và cùng thực hiện khẩu hiệu “tất cả để đánh thắng giặc Mỹ xâm lược, bảo vệ miền Bắc, giải phóng miền Nam thống nhất đất nước”.

### **c) Ý nghĩa của đường lối:**

Đường lối kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của Đảng được đề ra tại các hội nghị TW lần thứ 11 và 12 có ý nghĩa hết sức quan trọng

- Nêu cao quyết tâm đánh Mỹ và thắng Mỹ trên cơ sở khoa học
- Thể hiện tinh thần cách mạng tiến công, tinh thần độc lập, tự chủ, sự kiên trì mục tiêu giải phóng MN, thống nhất TQ, phản ánh đúng đắn ý chí, nguyện vọng chung của toàn Đảng, toàn quân, toàn dân ta.

- Thể hiện tư tưởng nắm vững, giương cao ngọn cờ độc lập dân tộc và CMXH, tiếp tục tiến trình đồng thời và kết hợp chặt chẽ 2 chiến lược CM trong hoàn cảnh cả nước có chiến tranh ở mức độ khác nhau, phù hợp với thực tiễn đất nước và hoàn cảnh quốc tế.
- Tạo ra sức mạnh tổng hợp cho cuộc kháng chiến toàn dân, toàn diện, lâu dài và thắng lợi.

## **Câu 13: Ý nghĩa lịch sử, nguyên nhân thắng lợi & bài học kinh nghiệm của cuộc kháng chiến chống Mỹ ở Việt Nam (1954 – 1975)**

### **Ý nghĩa lịch sử:**

Kết thúc thắng lợi 30 năm chiến tranh, giải phóng dân tộc và bảo vệ tổ quốc, chấm dứt ách thống trị của CNTD tồn tại hơn một thế kỷ trên đất nước ta, mở ra trang sử mới hòa bình, thống nhất, cả nước quá độ lên CNXH. Đập tan cuộc xâm lược lớn nhất của ĐQ Mỹ, phá vỡ phòng tuyến quân sự quan trọng nhất của ĐQ Mỹ ở Đông Nam Á.

Lần đầu tiên Mỹ chấp nhận thất bại, nó đóng góp và cổ vũ to lớn phong trào giải phóng dân tộc, dân chủ, hòa bình và tiến bộ XH trên TG. Thắng lợi này tô thêm trang sử vẻ vang, hào hùng của dân tộc Việt Nam, tăng thêm uy tín của dân tộc ta trên trường quốc tế.

Báo cáo chính trị của đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ 4 (12/1976) khẳng định: “Thắng lợi của nhân dân ta trong sự nghiệp k/c chống Mỹ cứu nước mãi mãi được ghi vào lịch sử dân tộc như một trong những trang chói lọi nhất, một biểu tượng sáng ngời về sự toàn thắng của chủ nghĩa anh hùng CM và trí tuệ con người, và đi vào lịch sử thế giới như một chiến công vĩ đại của thế kỷ XX, một sự kiện có tầm quan trọng quốc tế, to lớn, và có tính chất thời đại sâu sắc”.

### **Nguyên nhân thắng lợi:**

Do Đảng đã đề ra đường lối và phương pháp CM đúng đắn, sự lãnh đạo, chỉ đạo sâu sắc của TW; phát huy cao độ lòng yêu nước, truyền thống đoàn kết trong mặt trận dân tộc.

Do tinh thần đấu tranh anh dũng, thông minh, sáng tạo của nhân dân đặc biệt là nhân dân miền Nam. Hậu phương miền Bắc vững chắc đã chi viện to lớn sức người, sức của cho chiến thắng miền Nam và đánh thắng 2 cuộc chiến tranh bằng không quân và hải quân của ĐQ Mỹ

Do có sự giúp đỡ to lớn của các nước XHCN đặc biệt là LX, TQ và Cu-ba, tinh đoàn kết chiến đấu của 3 dân tộc ĐĐ chống kẻ thù chung, và sự giúp đỡ của nhân dân yêu chuộng hòa bình trên thế giới kể cả nhân dân Mỹ.

Do bản thân Mỹ đã tiến hành một cuộc chiến tranh phi nghĩa và tàn bạo, can thiệp thô bạo vào một dân tộc độc lập, có chủ quyền đồng thời hiểu ít về đối thủ của mình, mắc nhiều sai lầm chiến lược.

### **Bài học kinh nghiệm: Đại hội IV của Đảng đã rút ra 5 bài học quý:**

Một là gương cao 2 ngọn cờ độc lập dân tộc và CNXH là sợi chỉ xuyên suốt tiến trình CM miền nam, là ngọn cờ bách chiến bách thắng của dân tộc ta. Đảng ta đã đề ra đường lối thực hiện đồng thời 2 nhiệm vụ xây dựng CNXH ở miền Bắc và tiếp tục thực hiện CM DTDCND ở miền Nam trong đó tập trung giải phóng miền Nam thống nhất đất nước.

Hai là: Đảng ta hết sức coi trọng xây dựng lực lượng CM ở miền nam và đi đôi với xây dựng tổ chức lực lượng CM trong cả nước. Trong xây dựng lực lượng CM, chú trọng xây dựng chính trị xã hội như xây dựng Đảng bộ miền Nam, xây dựng mặt trận dân tộc thống nhất, rộng rãi và các chính trị xã hội của quần chúng nhân dân

Ba là: Đảng ta đã tìm ra phương pháp CM đúng đắn sáng tạo. Quán triệt sâu sắc tư tưởng CM, chủ động đánh địch trên cả 3 vùng chiến lược, vận dụng 3 mũi giáp công, đánh địch bằng 3 thứ quân, kết hợp đánh lớn, đánh vừa và đánh nhỏ, kết hợp tiến công và nổi dậy, biết thắng từng bước cho đúng, tìm chân và thắng địch ở chiến trường miền nam, kìm chế thắng địch trên bầu trời miền Bắc, buộc địch phải từng bước xuống thang và đi tới chấp nhận thất bại.

Bốn là: sự chỉ đạo đấu tranh đúng đắn và kịp thời sâu sắc. Ta luôn nắm vững âm mưu, thủ đoạn và tình hình địch, chuẩn bị sẵn phương án đối phó, kịp thời tiến công khi có thời cơ. Từ khởi nghĩa từng phần, chuyển dần lên chiến tranh CM toàn dân, đánh kẻ địch mạnh phải đánh lâu dài, khi thời cơ đến năm 1975 (thần tốc, táo bạo, bất ngờ, chắc thắng) để kết thúc cuộc chiến sớm ngày nào hay ngày đó.

Năm là: kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại. Cuộc kháng chiến chống Mỹ của nhân dân ta diễn ra trong thời đại mới, tại thời điểm 3 dòng thác CM phát triển mạnh. Đảng ta chú trọng kết hợp sức mạnh đường lối dân tộc và CNXH, sức mạnh trong nước và quốc tế, sức mạnh của hậu phương, sức mạnh của tiền tuyến để tạo nên sức mạnh tổng hợp. Trong cuộc kháng chiến, ta tranh thủ được sự đồng tình, ủng hộ, giúp đỡ của nhân dân yêu chuộng hòa bình trên thế giới kể cả nhân dân Mỹ.

## **Câu 14: Làm rõ đường lối về CNH – HĐH trong thời kỳ đổi mới? ý nghĩa của đường lối với sự phát triển kinh tế của nước ta trong những năm qua?**

### **1. CNH – HĐH là nhiệm vụ trọng tâm**

#### **a) Thế nào là CNH – HĐH**

Trước đây, vào thế kỷ XVII, XVIII, khi cuộc cách mạng công nghiệp được tiến hành ở Tây Âu, CNH được hiểu là quá trình thay thế thủ công bằng lao động sử dụng máy móc. Nhưng theo dòng thời gian, khái niệm CNH luôn có sự thay đổi cùng với sự phát triển của nền sản xuất XH, của khoa học công nghệ, tức là khái niệm CNH mang tính lịch sử. Dựa trên việc kế thừa có chọn lọc những tri thức văn minh của nhân loại và rút kinh nghiệm trong lịch sử tiến hành CNH. Hội nghị BCH TW lần thứ 7 khóa VI và Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII ĐCS Việt Nam xác định: CNH là quá trình chuyển đổi căn bản toàn diện các nền hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ và quản lý kinh tế - xã hội từ sử dụng sức lao động thủ công là chính sang sử dụng 1 cách phổ biến sức lao động cùng với công nghệ, phương tiện và phương pháp tiên tiến hiện đại dựa trên sự phát triển của công nghiệp và tiến bộ khoa học – công nghệ tạo ra năng suất lao động xã hội cao.

Như vậy, CNH theo tư tưởng mới là ko bó hẹp trong phạm vi trình độ các lực lượng sản xuất đơn thuần, kỹ thuật đơn thuần để chuyển lao động thủ công thành lao động cơ khí như trước đây mà bao hàm cả về các hoạt động sản xuất kinh doanh, cả về ngành dịch vụ và quản lý kinh tế - xã hội, được sử dụng bằng các phương tiện và các phương pháp tiên tiến hiện đại cùng với kỹ thuật và công nghệ cao.

Bên cạnh đó, quá trình CNH còn cần phải hoàn thiện cơ cấu tổ chức và vận hành xã hội, nâng cao chất lượng sống của người dân trong cả nước, tích cực xóa đói giảm nghèo, phấn đấu tăng mức thu nhập bình quân đầu người cả nước.

#### **b) Sự cần thiết phải tiến hành CNH – HĐH ở Việt Nam**

Trong những năm 1986 – 1988, cuộc khủng hoảng kinh tế - xã hội ở nước ta đã trở nên gay gắt nhất, khi lạm phát tới mức “phi mã” (3 con số), những cơ sở sản xuất kinh doanh của nhà nước bị đình đốn, thua lỗ, sản xuất cầm chừng, thậm chí bị đóng cửa, bội chi ngân sách lớn, giá cả thị tăng vọt, tiền lương thực tế giảm khiến cho đời sống nhân dân giảm sút nghiêm trọng, khó khăn chồng chất khó khăn, có lúc tưởng chừng ko thể vượt qua. Trong khi đó, công cuộc “cải tổ” ở Liên Xô – người anh hùng của CNXH trên thế giới - đang ngày đi vào con đường bế tắc. Điều này có ảnh hưởng ko nhỏ tới công cuộc xây dựng CNXH của nước ta. Bên cạnh đó, nước ta tiến lên CNXH từ 1 nước công nghiệp lạc hậu, cơ sở vật chất – kỹ thuật thấp kém, trình độ của lực lượng sản xuất chưa phát triển, chưa hoàn thiện, sản xuất nhỏ lẻ, lao động thủ công là chủ yếu. Vì vậy, quá trình CNH chính là con đường duy nhất để đất nước ta có thể thoát khỏi cảnh đói nghèo, xây dựng cơ sở vật chất – kỹ thuật cho nền sản xuất lớn hiện đại. Có tiến hành CNH thì chúng ta mới: xây dựng được cơ sở vật chất kỹ thuật cho CNXH ở nước ta, tiến hành tái sản xuất mở rộng nâng cao đời sống vật chất tinh thần của nhân dân, tăng cường phát triển lực lượng giai cấp công nhân, củng cố quốc phòng giữ vững an ninh chính trị, trật tự XH, góp phần xây dựng và phát triển nền văn hóa dân tộc, xây dựng con người mới ở Việt Nam. Mỗi bước tiến của quá trình CNH – HĐH là 1 bước tăng cường cơ sở vật chất kỹ thuật cho CNXH, phát triển mạnh mẽ lực lượng sản xuất và góp phần hoàn thiện quan hệ sản xuất XHCN để nước ta có thể tiến lên CNXH 1 cách nhanh chóng và thành công

### **2. Nội dung đường lối CNH – HĐH ở Việt Nam trong thời kỳ quá độ lên CNXH**

#### **a) Nội dung cơ bản**

*Phát triển lực lượng sản xuất – cơ sở vật chất kỹ thuật của CNXH – trên cơ sở thực hiện cơ khí hóa nền sản xuất xã hội và áp dụng những thành tựu khoa học – công nghệ hiện đại*

Muốn cho dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng văn minh, đất nước từng bước đi lên CNXH, đi đôi với việc củng cố hoàn thiện quan hệ sản xuất tiên tiến, chúng ta phải phát triển lực lượng sản xuất với năng suất lao động ngày càng cao. Không có lực lượng sản xuất hùng hậu thì không thể nói đến CNH – HĐH nền kinh tế. Trước hết, quá trình CNH – HĐH là 1 quá trình cải biến lao động thủ công, lạc hậu thành lao động sử dụng máy móc, tức là phải cơ khí hóa nền kinh tế quốc dân. Đó là bước chuyển đổi rất căn bản từ nền kinh tế nông nghiệp sang nền kinh tế công nghiệp. Đi liền với cơ khí hóa là điện khí hóa và tự động hóa SX từng bước và trong toàn bộ nền kinh tế quốc dân. Sự nghiệp CNH – HĐH đòi hỏi phải xây dựng và phát triển mạnh mẽ các ngành công nghiệp, then chốt là ngành chế tạo tư liệu SX bởi vì theo quan điểm của CN Mác – Lenin, tái SX mở rộng của khu vực SX tư liệu SX, đặc biệt là của ngành SX tư liệu SX để SX tư liệu SX, quyết định quy mô tái SX mở rộng của toàn bộ nền kinh tế. Sự phát triển của ngành chế tạo tư liệu SX là cơ sở để cải tạo, phát triển nền kinh tế quốc dân, phát triển khu vực nông lâm ngư nghiệp

Đồng thời, mục tiêu của CNH – HĐH là còn phải sử dụng kỹ thuật, công nghệ ngày càng tiên tiến hiện đại nhằm đạt được năng suất lao động xã hội cao. Khi mà nền khoa học của thế giới đang có sự phát triển như vũ bão, khoa học đang trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp tức là trở thành nhân tố quyết định đến khả năng cạnh tranh của hàng hóa, hiệu quả của sản xuất, kinh doanh thì khoa học – công nghệ phải là động lực của CNH – HĐH. Vì thế phát triển khoa học – công nghệ có ý nghĩa đặc biệt quan trọng trong sự nghiệp CNH – HĐH của đất nước. Để có thể phát triển khoa học – công nghệ trong điều kiện Việt Nam hiện nay cần phải xác định được những phương hướng đúng đắn cho sự phát triển khoa học – công nghệ, ví dụ như phát huy những lợi thế của đất nước, tận dụng mọi khả năng để đạt được



trình độ tiên tiến, tranh thủ ứng dụng nhiều hơn thành tựu về khoa học – công nghệ... và phải tạo dựng được những điều kiện cần thiết cho sự phát triển của khoa học – công nghệ như đảm bảo đội ngũ cán bộ khoa học có số lượng lớn, chất lượng cao, các chính sách kinh tế - xã hội phù hợp.

Trong quá trình CNH – HĐH, người lao động – lực lượng sản xuất thứ nhất – phải được nâng cao trình độ văn hóa và kỹ thuật vì họ vừa là kết quả sự phát triển lực lượng sản xuất, vừa là người tạo ra sự phát triển đó.

#### *Chuyển đổi cơ cấu kinh tế theo hướng HĐH, hợp lý và hiệu quả*

Trong thời đại ngày nay, CNH không chỉ đơn thuần là phát triển công nghiệp, cũng không chỉ đơn giản là tăng thêm tốc độ và tỷ trọng của ngành công nghiệp. Quá trình CNH – HĐH cũng là quá trình chuyển đổi cơ cấu kinh tế. Cơ cấu của nền kinh tế quốc dân bao gồm các ngành kinh tế, các vùng kinh tế, các thành phần kinh tế... và các mối quan hệ hữu cơ giữa chúng. Trong cơ cấu của nền kinh tế, cơ cấu của ngành kinh tế là quan trọng nhất vì nó quyết định các hình thức cơ cấu kinh tế khác. Vì vậy, CNH – HĐH đòi hỏi phải xây dựng cơ cấu kinh tế hợp lý, hiện đại. Và xu hướng chuyển dịch cơ cấu kinh tế được coi là hợp lý, tiến bộ là tỷ trọng khu vực xây dựng và công nghiệp, đặc biệt là tỷ trọng khu vực dịch vụ ngày càng tăng, tỷ trọng khu vực nông – lâm – ngư nghiệp và khai khoáng ngày càng giảm trong tổng giá trị sản phẩm xã hội. Cơ cấu kinh tế hợp lý trong 1 nền kinh tế thị trường hiện đại đòi hỏi công nghiệp – nông nghiệp – dịch vụ phát triển mạnh mẽ hợp lý và đồng bộ. 1 cơ cấu kinh tế được coi là hợp lý khi nó đáp ứng được các yêu cầu sau: nông nghiệp phải giảm tỷ trọng, công nghiệp, dịch vụ và xây dựng phải tăng dần tỷ trọng; trình độ kỹ thuật của nền kinh tế không ngừng tiến bộ; khai thác tối đa tiềm năng đất nước, cơ cấu kinh tế được tạo dựng theo “cơ cấu mở”

Chuyển dịch cơ cấu kinh tế nước ta trong thời kỳ quá độ lên CNXH được thực hiện theo phương châm: kết hợp công nghệ với nhiều trình độ, tranh thủ công nghệ mũi nhọn - tiên tiến vừa tận dụng được nguồn lao động dồi dào, vừa cho phép rút ngắn khoảng cách lạc hậu, vừa phù hợp với nguồn vốn có hạn trong nước; lấy quy mô vừa và nhỏ là chủ yếu, có tính đến quy mô lớn nhưng phải là quy mô hợp lý và có điều kiện; giữ được tốc độ tăng trưởng hợp lý... vì vậy, chuyển dịch cơ cấu kinh tế nước ta những năm trước mắt cần thực hiện theo định hướng chung sau đây: chuyển dịch cơ cấu kinh tế và cơ cấu đầu tư dựa trên cơ sở phát huy các thế mạnh của đất nước, tăng sức cạnh tranh, gắn với nhu cầu thị trường trong nước và ngoài nước, đẩy mạnh xuất khẩu.

Như vậy, CNH tất yếu gắn liền với HĐH để từng bước tạo ra những giá trị vật chất mới với trình độ công nghệ cao, hoàn thành cơ bản việc xây dựng cơ sở vật chất – kỹ thuật của CNXH

#### *Thiết lập quan hệ sản xuất phù hợp theo định hướng XHCN*

CNH ở nước ta nhằm mục tiêu xây dựng CNXH. Do đó, CNH không chỉ phát triển lực lượng sản xuất mà còn là quá trình thiết lập, củng cố và hoàn thiện quan hệ sản xuất phù hợp với tính chất và trình độ của lực lượng sản xuất, bất cứ sự thay đổi nào của quan hệ sản xuất cũng đều là kết quả tất yếu của sự phát triển lực lượng sản xuất

Trình độ xã hội hóa cao của lực lượng sản xuất hiện đại tất yếu đòi hỏi phải xác lập chế độ công hữu về những tư liệu sản xuất chủ yếu. Vì vậy, khi cơ sở vật chất – kỹ thuật của CNXH được xây dựng xong về căn bản thì chế độ công hữu tư liệu sản xuất sẽ chiếm ưu thế tuyệt đối. Ngoài ra, trong khi phát triển nền kinh tế nhiều thành phần phải luôn luôn đảm bảo thành phần quốc doanh là chủ đạo, kinh tế quốc doanh cùng với kinh tế hợp tác dần trở thành nền tảng. Nền kinh tế vận hành theo cơ chế thị trường nhưng có sự quản lý của Nhà nước – Nhà nước của dân, do dân và vì dân. Đặc biệt phải coi trọng việc bồi dưỡng nguồn nhân lực để phát huy sức mạnh quyết định của nhân tố con người, chăm lo giải quyết việc làm cho người lao động, nâng cao dân trí, cải thiện đời sống vật chất và văn hóa của nhân dân. Và điều quyết định nhất là phải đảm bảo sự lãnh đạo của Đảng đối với toàn bộ tiến trình CNH – HĐH.

#### **b) Nội dung cụ thể**

Đối với nước ta, 1 nước nông nghiệp lạc hậu tiến lên CNXH, tiến hành CNH – HĐH càng là 1 yêu cầu cấp bách, là nhiệm vụ trung tâm có tầm quan trọng hàng đầu trong suốt thời kỳ quá độ lên CNXH. Hội nghị TW 7 ( khóa VII ) tháng 7/1994, sau khi phân tích những thuận lợi, khó khăn, thực trạng của đất nước và tính toán các mặt, đã chỉ ra mục tiêu CNH – HĐH đến năm 2000 là: phấn đấu đạt và vượt các chỉ tiêu đã đặt ra trong chiến lược kinh tế - xã hội, chuẩn bị những tiền đề cần thiết cho bước phát triển cao hơn trong thập kỷ sau. Và hướng ưu tiên phát triển công nghiệp và công nghệ trong những năm trước mắt là:

#### *Đặc biệt coi trọng CNH – HĐH nông nghiệp và nông thôn*

Phát triển toàn diện nông – lâm – ngư nghiệp gắn với công nghiệp chế biến nông – lâm – thủy sản nhằm khai thác có hiệu quả tiềm năng đa dạng của nông – lâm – ngư nghiệp, bảo đảm vững chắc yêu cầu an toàn lương thực cho xã hội; tạo nguồn nguyên liệu có khối lượng lớn, chất lượng cao, giá thành hạ, đủ tiêu chuẩn đáp ứng yêu cầu của công nghiệp chế biến; tăng giá trị và khối lượng hàng xuất khẩu; tăng thêm việc làm và thu nhập của người lao động; mở mang thị trường sản phẩm và dịch vụ cho công nghiệp. Để thực hiện nhiệm vụ CNH – HĐH nông nghiệp và nông thôn cần chú trọng đến vấn đề thủy lợi, áp dụng khoa học – công nghệ vào trồng trọt, chăn nuôi, phát triển mạnh công, thương nghiệp, dịch vụ, du lịch..., tăng cường xây dựng kết cấu hạ tầng...

#### *Ưu tiên phát triển công nghiệp nặng*

Hướng ưu tiên phát triển công nghiệp là: các ngành chế biến lương thực – thực phẩm, sản xuất hàng tiêu dùng, hàng xuất khẩu, công nghiệp điện tử và công nghệ thông tin. Xây dựng có chọn lọc 1 số cơ sở công nghiệp nặng trong



những ngành trọng yếu mà nhu cầu đòi hỏi bức bách và có điều kiện về vốn, công nghệ, thị trường để phát huy tác dụng nhanh và có hiệu quả ( năng lượng – nguyên liệu, vật liệu xây dựng, cơ khí chế tạo, đóng và sửa chữa tàu thủy, luyện kim, hóa chất )

*Cải tạo, mở rộng, nâng cấp và xây dựng mới có trọng điểm kết cấu hạ tầng vật chất của nền kinh tế*

Từ 1 nền kinh tế nghèo nàn, lạc hậu đi lên CNXH, kết cấu hạ tầng của nền kinh tế nước ta hết sức thấp kém, không đáp ứng được yêu cầu của sản xuất kinh doanh và của đời sống dân cư. Do vậy, việc xây dựng kết cấu hạ tầng của nền kinh tế được coi là 1 nội dung của CNH – HĐH

Những năm trước đây, do khả năng tài chính có hạn nên việc xây dựng kết cấu hạ tầng phải tập trung vào khâu cải tạo nâng cấp. Việc xây dựng mới chỉ có mức độ và phải tập trung vào những khâu trọng điểm có ý nghĩa quan trọng đối với nền kinh tế.

*Phát triển nhanh du lịch, các ngành dịch vụ*

Phát triển ngành du lịch và các ngành dịch vụ trước hết nhằm đáp ứng nhu cầu về dịch vụ của nhân dân. Mức thu nhập, mức sống càng cao, nhu cầu về các loại dịch vụ của nhân dân càng lớn. Phát triển dịch vụ không những góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống của dân cư mà còn nhằm nâng cao hiệu quả của sản xuất kinh doanh. Sự phát triển của ngành du lịch 1 mặt cho phép khai thác tiềm năng du lịch, tăng thu nhập cho dân cư, mặt khác sự phát triển của ngành du lịch còn góp phần mở rộng giao lưu, phát triển kinh tế đối ngoại, mở cửa nền kinh tế

*Phát triển hợp lý các vùng lãnh thổ*

Chuyển dịch cơ cấu kinh tế vùng, lãnh thổ dựa trên cơ sở khai thác triệt để các lợi thế, tiềm năng của từng vùng, liên kết hỗ trợ nhau, làm cho tất cả các vùng cùng nhau phát triển. Về phương hướng phát triển vùng lãnh thổ nước ta trong thời gian tới, ĐCS Việt Nam xác định, phát huy vai trò của các vùng kinh tế trọng điểm có mức tăng trưởng cao, tích lũy lớn, đồng thời tạo điều kiện phát triển các vùng khác trên cơ sở phát huy thế mạnh của từng vùng, liên kết với trọng điểm tạo mức tăng trưởng khá. Có chính sách hỗ trợ các vùng kinh tế khó khăn để phát triển kết cấu hạ tầng, nguồn nhân lực, nâng cao dân trí, xóa đói giảm nghèo...

*Mở rộng và nâng cao hiệu quả kinh tế đối ngoại*

Trong nền kinh tế toàn cầu hóa, mở cửa nền kinh tế là cần thiết với tất cả các nước. Sau thời gian khá dài đóng cửa nền kinh tế, hiện nay, mở cửa nền kinh tế là 1 nhu cầu cấp bách đối với nền kinh tế nước ta, là 1 nội dung của CNH – HĐH ở nước ta trong những năm trước mắt. Trong việc mở cửa, hội nhập, phải đẩy mạnh xuất khẩu, coi xuất khẩu là hướng ưu tiên và là trọng điểm. Chuyển hướng chiến lược, xây dựng nền kinh tế mở đòi hỏi phải điều chỉnh cơ cấu kinh tế để vừa hội nhập khu vực, vừa hội nhập toàn cầu.

**\* Kết quả thực hiện đường lối và ý nghĩa**

Sau hơn 20 năm đổi mới, đất nước đã thu được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử, trong đó có những thành tựu nổi bật của CNH – HĐH

- Cơ sở vật chất – kỹ thuật được tăng cường, khả năng độc lập tự chủ của nền kinh tế được nâng cao
- Cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng CNH, HĐH đã đạt được những kết quả quan trọng. Trong từng ngành kinh tế đều có sự chuyển dịch tích cực về cơ cấu sản xuất, cơ cấu công nghệ theo hướng tiến bộ, hiệu quả, gắn với sản xuất, với thị trường
- + Cơ cấu kinh tế vùng đã có sự điều chỉnh theo hướng phát huy lợi thế so sánh của từng vùng. Các vùng kinh tế trọng điểm phát triển khá nhanh đóng góp quan trọng vào sự tăng trưởng và là đầu tàu của nền kinh tế
- + Cơ cấu thành phần kinh tế tiếp tục chuyển dịch theo hướng phát huy tiềm năng của các thành phần kinh tế và đan xen nhiều hình thức sở hữu
- + Cơ cấu lao động đã có sự chuyển dịch tích cực gắn liền với quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế
- Những thành tựu của CNH, HĐH đã góp phần quan trọng đưa nền kinh tế đạt tốc độ tăng trưởng khá cao, bình quân từ năm 2000 đến 2005 đạt trên 7,51%/năm, các năm 2006 – 2007 đạt 8%/năm. Điều đó đã góp phần quan trọng vào công tác xóa đói giảm nghèo. Thu nhập đầu người bình quân hàng năm tăng lên đáng kể. Năm 2005, đạt 640USD/người, năm 2007 đạt 800USD/người. Đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân tiếp tục được cải thiện. Những thành tựu trên có ý nghĩa rất quan trọng trong việc đưa nước ta ra khỏi tình trạng kém phát triển và cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại vào năm 2020

## **Câu 15: Anh hay chị hãy làm rõ: đường lối xây dựng nền kinh tế thị trường thời kỳ đổi mới và ý nghĩa của đường lối này với sự phát triển kinh tế thị trường nước ta?**

### **1. Tư duy của Đảng về KTTT trong thời kỳ đổi mới.**

#### **a. Tư duy KTTT từ ĐH VI (12/1986) đến ĐH VIII (6/1996)**

Đây là giai đoạn hình thành và phát triển tư duy của Đảng về KTTT. So với thời kỳ trước đổi mới, nhận thức về KTTT có sự thay đổi căn bản và sâu sắc.

#### **❖ Một là, KTTT không phải là cái riêng có của CNTB mà là thành tựu phát triển chung của nhân loại.**

Lịch sử phát triển của nền sản xuất xã hội cho thấy sản xuất và trao đổi hàng hóa là tiền đề quan trọng cho sự ra đời và phát triển của KTTT. Trong quá trình sản xuất và trao đổi, các yếu tố thị trường như cung, cầu, giá cả có tác động điều tiết quá trình sản xuất hàng hóa, phân bổ các nguồn lực kinh tế và tài nguyên thiên nhiên như vốn, tư liệu sản xuất, sức lao động... phục vụ cho sản xuất và lưu thông. Thị trường giữ vai trò là một công cụ phân bổ các nguồn lực kinh tế. Trong một nền kinh tế khi các nguồn lực kinh tế được phân bổ bằng nguyên tắc thị trường thì người ta gọi là KTTT. *KTTT đã có mầm mống từ trong xã hội nô lệ, hình thành trong xã hội phong kiến và phát triển cao trong CNTB.*

*KTTT và KTHH có cùng bản chất đều nhằm sản xuất ra để bán, đều nhằm mục đích giá trị và đều trao đổi thông qua quan hệ hàng hóa – tiền tệ.* KTHH và KTTT đều dựa trên cơ sở phân công lao động xã hội và các hình thức sở hữu khác nhau về tư liệu sản xuất, làm cho những người sản xuất vừa độc lập vừa phụ thuộc vào nhau. Trao đổi mua bán hàng hóa là phương thức giải quyết mâu thuẫn trên.

Tuy nhiên, KTHH và KTTT có sự khác nhau về trình độ phát triển:

- KTHH ra đời từ kinh tế tự nhiên, đối lập với kinh tế tự nhiên (tự cung tự cấp), nhưng còn ở trình độ thấp, chủ yếu là sản xuất hàng hóa tư nhân, quy mô nhỏ bé kỹ thuật thủ công, năng suất thấp.
- Còn KTTT là KTHH phát triển cao. KTTT lấy khoa học công nghệ hiện đại làm cơ sở và nền sản xuất xã hội hóa cao.
- KTTT có lịch sử phát triển lâu dài, nhưng hco đến nay nó mới biểu hiện rõ rệt nhất trong CNTB. Nếu trước CNTB, KTTT còn ở thời kỳ manh nha, trình độ thấp thì trong CNTB nó đạt đến trình độ cao đến mức chi phối toàn bộ cuộc sống của con người trong xã hội đó. Điều đó khiến cho con người ta nghĩ rằng KTTT là sản phẩm riêng của CNTB.

CNTB không sản sinh ra KTHH, do đó, KTTT với tư cách là KTHH ở trình độ cao không phải là sản phẩm riêng của CNTB mà là thành tựu phát triển chung của nhân loại. Chỉ có thể chế KTTT TBCN hay cách sử dụng KTTT theo lợi nhuận tối đa của CNTB mới là sản phẩm của CNTB.

Nhưng nó được biểu hiện rõ nhất trong CNTB và nó đã đạt đến mức chi phối toàn bộ cuộc sống của con người. Điều đó khiến người ta nghĩ rằng KTTT là sản phẩm riêng có của CNTB (thể chế mang bản chất giai cấp).

#### **❖ Hai là, KTTT còn tồn tại khách quan trong thời kì quá độ lên CNXH.**

*KTTT xét dưới góc độ “một kiểu tổ chức kinh tế” là phương thức tổ chức vận hành nền kinh tế, là phương tiện điều tiết kinh tế lấy cơ chế thị trường làm cơ sở để phân bổ các nguồn lực kinh tế và điều tiết mối quan hệ giữa người với người.*

*KTTT chỉ đối lập với kinh tế tự nhiên, tự cấp tự túc, chứ không đối lập với các chế độ xã hội.*

*Bản thân KTTT không phải là đặc trưng bản chất cho chế độ kinh tế cơ bản của xã hội, chỉ có thể chế KTTT mới là đặc trưng bản chất xã hội.*

Là thành tựu chung của văn minh nhân loại, KTTT tồn tại và phát triển ở nhiều phương thức sản xuất khác nhau. KTTT vừa có thể liên hệ với chế độ tư hữu, vừa có thể liên hệ với chế độ công hữu và phục vụ cho chúng. Vì vậy, KTTT không đối lập với CNXH, nó tồn tại khách quan trong thời kỳ quá độ lên CNXH và cả trong CNXH.

- Xây dựng và phát triển KTTT không phải là phát triển TBCN hoặc đi theo con đường TBCN.
  - Và tất nhiên, xây dựng kinh tế XHCN cũng không dẫn đến phủ định KTTT. KTTT tồn tại khách quan trong thời kỳ quá độ lên CNXH.
- ⇒ Vì vậy:

Đại hội VII của Đảng (6-1991) trong khi khẳng định chủ trương tiếp tục xây dựng nền KTHH nhiều thành phần, phát huy thế mạnh của các thành phần kinh tế quốc dân thống nhất, đã đưa ra kết luận quan trọng rằng sản xuất hàng hóa không đối lập với CNXH, nó tồn tại khách quan và cần thiết cho xây dựng XHCN. *Đại hội cũng xác định cơ chế vận hành của nền KTHH nhiều thành phần theo định hướng XHCN ở nước ta là “cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước” bằng pháp luật, kế hoạch chính sách và các công cụ khác.* Trong cơ chế kinh tế đó, các đơn vị kinh tế có quyền tự chủ sản xuất, kinh doanh, quan hệ bình đẳng, cạnh tranh hợp pháp, hợp tác và liên doanh có hiệu quả, nhà

nước quản lý nền kinh tế để định hướng dẫn dắt các thành phần kinh tế, tạo điều kiện và môi trường thuận lợi cho sản xuất, kinh doanh hiệu quả, nhà nước quản lý nền kinh tế để định hướng dẫn dắt các thành phần kinh tế, đảm bảo hài hòa giữa phát triển kinh tế với phát triển xã hội.

Tiếp tục đường lối trên, Đại hội VIII (6-1996) đề ra nhiệm vụ *đẩy mạnh công cuộc đổi mới toàn diện và đồng bộ, tiếp tục phát triển nền kinh tế nhiều thành phần vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước theo định hướng XHCH*.

#### ❖ **Ba là, có thể và cần thiết sử dụng KTTT để xây dựng CNXH ở nước ta.**

KTTT không đối lập với CNXH, nó còn tồn tại khách quan trong thời kỳ quá độ lên CNXH. Vì vậy, có thể và cần thiết sử dụng KTTT để xây dựng CNXH ở nước ta.

Là thành tựu của văn minh nhân loại, bản thân KTTT không có thuộc tính xã hội, vì vậy, KTTT có thể sử dụng ở các chế độ xã hội khác nhau. Ở bất kỳ xã hội nào, khi lấy thị trường làm phương tiện có tính cơ sở để phân bổ các nguồn lực kinh tế, thì KTTT cũng có những đặc điểm chủ yếu sau:

- Chủ thể kinh tế có tính độc lập, có quyền tự chủ trong sản xuất, kinh doanh, lỗ, lãi tự chịu.
- Giá cả cơ bản do cung cầu điều tiết, hệ thống thị trường phát triển đồng bộ và hoàn hảo.
- Nền kinh tế có tính mở cao và vận hành theo quy luật vốn có của KTTT như quy luật giá trị, quy luật cung cầu, quy luật cạnh tranh.
- Có hệ thống pháp quy kiện toàn và sự quản lý vĩ mô của Nhà nước.

Với những đặc điểm trên, KTTT có vai trò rất lớn đối với sự phát triển kinh tế, xã hội, đó là:

– Trước đổi mới, do chưa thừa nhận trong thời kỳ quá độ lên CNXH còn tồn tại sản xuất hàng hóa và cơ chế thị trường nên chúng ta đã xem kế hoạch là đặc trưng quan trọng nhất của kinh tế XHCN, đã thực hiện phân bổ mọi nguồn lực theo kế hoạch là chủ yếu, còn thị trường chỉ được coi là một công cụ thứ yếu bổ sung cho kế hoạch đó không cần thiết sử dụng KTTT để xây dựng CNXH.

– Vào thời kỳ đổi mới, chúng ta ngày càng nhận rõ KTTT, nếu biết vận dụng đúng, thì có vai trò rất lớn đối với sự phát triển kinh tế - xã hội. Có thể dùng cơ chế thị trường làm cơ sở phân bổ các nguồn lực kinh tế, dùng tín hiệu giá cả để điều tiết chủng loại và số lượng hàng hóa, điều hòa quan hệ cung cầu, điều tiết tỷ lệ sản xuất thông qua cơ chế cạnh tranh, thúc đẩy cái tiến bộ, đào thải cái lạc hậu, yếu kém.

– Thực tế cho thấy, CNTB không sinh ra KTT nhưng đã biết kế thừa và khai thác có hiệu quả các lợi thế của KTTT để phát triển. Thực tiễn đổi mới ở nước ta cũng đã chứng minh sự cần thiết và hiệu quả của việc sử dụng KTTT làm phương tiện xây dựng CNXH.

b. Tư duy của Đảng về KTTT từ Đại hội IX đến Đại hội X

#### ❖ **Đại hội IX của Đảng (4-2001) xác định:**

**Một:** nền KTTT định hướng XHCN là mô hình kinh tế tồn quát của nước ta trong thời kỳ quá độ đi lên CNXH. Đó là nền KTHH nhiều thành phần vận hành theo cơ chế thị trường, có sự quản lý của Nhà nước theo định hướng XHCN. Đây là bước chuyển quan trọng từ nhận thức KTTT như một công cụ, một cơ chế quản lý, sang coi KTTT như một chính thể, là cơ sở kinh tế của sự phát triển theo định hướng XHCN.

**Hai:** vậy thế nào là KTT định hướng XHCN? Đại hội IX xác định KTTT XHCN là “Một kiểu tổ chức kinh tế vừa tuân theo quy luật của KTTT vừa dựa trên cơ sở và chịu sự chi phối bởi các nguyên tắc và bản chất cả CNXH”.

**Ba:** trong nền kinh tế đó, các thể mạnh của “thị trường” được sử dụng để phát triển lực lượng sản xuất, xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật của CNXH, nâng cao đời sống nhân dân.

**Bốn:** tính “định hướng XHCN” được thể hiện trên cả ba mặt của quan hệ sản xuất: sở hữu, tổ chức quản lý và phân phối, nhằm mục đích cuối cùng là “dân giàu, nước mạnh, tiến lên hiện đại trong xã hội do dân làm chủ, nhân ái, có văn hóa, có kỷ cương, xóa bỏ áp bức bất công, tạo điều kiện cho mọi người có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc.”

Nói KTTT định hướng XHCN là nói:

- Kinh tế không phải là kinh tế tự nhiên, tự cấp tự túc.
- Cũng không phải kinh tế kế hoạch hóa tập trung.
- Cũng không phải là KTTT TBCN (vì mục tiêu KTTT TBCN là làm sao cho nhà tư bản có nhiều giá trị thặng dư).
- Cũng chưa hoàn toàn là KTTT XHCN vì chưa có đầy đủ các yếu tố XHCN.

Năm: mục đích của KTT định hướng XHCN là: “Dân giàu, nước mạnh, tiến lên hiện đại trong 1 xã hội do nhân dân làm chủ, sống nhân ái, có văn hóa, có kỷ cương, xóa bỏ áp bức bất công, tạo mọi điều kiện cho mọi người có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc”.

❖ **Kế thừa tư duy của ĐH IX, ĐHX (4-2006) đã làm sáng tỏ thêm nội dung cơ bản định hướng XHCN trong phát triển KTTT ở nước ta, thể hiện ở 6 tiêu chí sau:**

**Một:** tính định hướng XHCN “làm cho mô hình KTTT ở nước ta khác với thị trường TBCN, trước hết là ở tính mục đích, đó là:

- Giải phóng mạnh mẽ LLSX và không ngừng nâng cao đời sống nhân dân.
- Đẩy mạnh xóa đói giảm nghèo.
- Khuyến khích mọi người vươn lên làm giàu chính đáng, giúp đỡ người khác thoát khỏi nghèo và từng bước khá giả hơn.
- Nhằm thực hiện “Dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng dân chủ, văn minh”.

Mục tiêu trên thể hiện rõ mục đích phát triển kinh tế vì con người, giải phóng LLSX, phát triển kinh tế để nâng cao đời sống cho mọi người, mọi người đều hưởng những thành quả phát triển. ở đây thể hiện sự khác biệt với mục đích tất cả vì lợi nhuận phục vụ lợi ích của các nhà tư bản, bảo vệ và phát triển CNTB.

**Hai:** về phương hướng phát triển:

- Phát triển các thành phần kinh tế, trong đó kinh tế Nhà nước giữ vai trò chủ đạo, kinh tế Nhà nước cùng với kinh tế tập thể ngày càng trở thành nền tảng vững chắc của nền kinh tế quốc dân.
- Phát triển nền kinh tế nhiều thành phần với nhiều hình thức sở hữu nhằm giải phóng mọi tiềm năng để phát triển trong mọi thành phần kinh tế, trong mỗi cá nhân và mọi vùng miền... để phát triển kinh tế - xã hội.
- Phát huy tối đa nội lực của các thành phần kinh tế, trong đó kinh tế Nhà nước là công cụ chủ yếu để điều tiết nền kinh tế tạo định hướng cho sự phát triển.

Ba: trong nền kinh tế nhiều thành phần, kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo:

- Là công cụ chủ yếu để nhà nước điều tiết nền kinh tế, định hướng cho sự phát triển vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng dân chủ, văn minh.
- Để giữ vai trò chủ đạo kinh tế Nhà nước phải nắm được các vị trí then chốt của nền kinh tế bằng trình độ khoa học, công nghệ tiên tiến, hiệu quả sản xuất kinh doanh cao chủ không phải dựa vào bao cấp, cơ chế xin cho hay độc quyền kinh doanh. Mặt khác, tiến lên CNXH đặt ra yêu cầu nền kinh tế phải được dựa vào nền tảng của sở hữu toàn dân các tư liệu sản xuất chủ yếu.

**Bốn:** về đường lối XHCN:

- Thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội ngay trong từng bước đi và từng chính sách phát triển.
- Tăng cường kinh tế gắn kết chặt chẽ và đồng bộ với phát triển xã hội, văn hóa, giáo dục và đào tạo.
- Giải quyết tốt các vấn đề xã hội vì mục tiêu phát triển con người (quan tâm giải quyết các vấn đề xã hội vừa đảm bảo sự phát triển bền vững, vừa thể hiện rõ định hướng XHCN của nền kinh tế, hạn chế tác động tiêu cực KTTT, thực hiện mục tiêu phát triển con người).

Năm: về phân phối: trong lĩnh vực phân phối, định hướng XHCN được thể hiện qua chế độ phân phối chủ yếu theo kết quả lao động, hiệu quả kinh tế, phúc lợi xã hội. Đồng thời để huy động mọi nguồn lực kinh tế cho sự phát triển còn thực hiện phân phối theo mức đóng góp vốn và các nguồn lực khác.

Sáu: vai trò điều tiết nền kinh tế Nhà nước dưới sự lãnh đạo của Đảng:

- Vai trò điều tiết của Nhà nước XHCN nhằm phát huy vai trò làm chủ xã hội của nhân dân, bảo đảm vai trò quản lý, điều tiết nền kinh tế của nhà nước pháp quyền XHCN dưới sự lãnh đạo của Đảng là sự thể hiện rõ rệt định hướng XHCN và cũng là sự khác biệt cơ bản giữa KTTT TBCN với KTTT định hướng XHCN.
- Sự quản lý, điều tiết nền kinh tế của nhà nước XHCN bằng pháp luật đảm bảo mục định nền kinh tế, sự vận động của chế độ sở hữu, phân phối theo định hướng XHCN, phát huy mặt tích cực, hạn chế mặt tiêu cực của KTTT, đảm bảo quyền lợi chính đáng của mọi con người.

Tóm lại: những tiêu chí trên vừa thể hiện tính định hướng XHCN của nền KTTT ở nước ta, vừa thể hiện sự khác biệt cơ bản giữa KTT định hướng XHCN với KTTT TBCN.

## **2. Ý nghĩa những tư duy đó đối với sự phát triển KTTT nước ta trong những năm qua:**

Sau hơn 20 năm đổi mới, nước ta đã chuyển đổi thành công từ thể chế kinh tế kế hoạch hóa tập trung quan liêu – bao cấp sang thể chế KTTT định hướng XHCN.

Đường lối đổi mới của Đảng đã được thể chế hóa thành pháp luật, tạo hành lang pháp lý cho nền KTTT định hướng XHCN hình thành và phát triển.

Chế độ sở hữu với nhiều hình thức và cơ cấu kinh tế nhiều thành phần được hình thành: từ sở hữu toàn dân và tập thể, từ kinh tế quốc doanh và hợp tác xã là chủ yếu đã chuyển sang nhiều hình thức sở hữu, nhiều thành phần kinh tế đan xen, hỗn hợp, trong đó sở hữu toàn dân những tư liệu sản xuất chủ yếu và kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo. Điều đó đã tạo ra động lực và điều thuận lợi cho giải phóng sức sản xuất, khai thác tiềm năng trong và ngoài nước vào phát triển kinh tế - xã hội.

Các loại thị trường cơ bản đã ra đời và từng bước phát triển thống nhất trong cả nước, gắn với thị trường khu vực thế giới.

Cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước đã và đang đi vào cuộc sống thay cho cơ chế kế hoạch hóa tập trung. Các doanh nghiệp, doanh nhân được tự chủ sản xuất, cạnh tranh lành mạnh.

Quản lý Nhà nước về kinh tế được đổi mới từ can thiệp trực tiếp bằng mệnh lệnh hành chính vào hoạt động sản xuất, kinh doanh sang quản lý bằng pháp luật, chính sách, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và các công cụ điều tiết vĩ mô khác.

Việc gắn phát triển kinh tế với giải quyết các vấn đề xã hội, xóa đói, giảm nghèo đạt nhiều kết quả tích cực.

Sau hơn 20 năm đổi mới, thể chế KTTT định hướng XHCN đã hình thành và từng bước hoàn thiện, thay cho thể chế kế hoạch hóa tập trung quan liêu, bao cấp. Thể chế kinh tế mới đã đi vào cuộc sống và phát huy hiệu quả tích cực, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế đã đi vào cuộc sống và phát huy hiệu quả tích cực, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế nhanh và bền vững, khắc phục được khủng hoảng kinh tế - xã hội, tạo ra những tiền đề cần thiết đẩy mạnh quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa và sớm đưa nước ta ra khỏi tình trạng kém phát triển.

## **Câu 16: Anh (chị) hãy làm rõ nội dung đường lối đổi mới hệ thống chính trị của Đảng trong thời kỳ đổi mới?**

### **1. Quá trình hình thành đường lối đổi mới hệ thống chính trị**

*\*Nhận thức về mối quan hệ giữa đổi mới kinh tế và đổi mới hệ thống chính trị.* Đổi mới hệ thống chính trị là đáp ứng yêu cầu chuyển đổi từ thể chế kinh tế kế hoạch hóa tập trung, quan liêu, bao cấp sang thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

*\*Nhận thức mới về mục tiêu đổi mới hệ thống chính trị.*

- Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (năm 1991) khẳng định “Toàn bộ tổ chức và hoạt động của hệ thống chính trị nước ta trong giai đoạn mới nhằm xây dựng và từng bước hoàn thiện nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, đảm bảo quyền lực thuộc về nhân dân”

- Báo cáo chính trị tại Đại hội VII (năm 1991) nhấn mạnh, thực chất của việc đổi mới và kiện toàn hệ thống chính trị nước ta là xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa.

- Dân chủ vừa là mục tiêu, vừa là động lực của công cuộc đổi mới.

*\*Nhận thức mới về đấu tranh giai cấp và về động lực chủ yếu phát triển đất nước trong giai đoạn mới.*

- Đại hội IX cho rằng: trong thời kỳ quá độ, có nhiều hình thức sở hữu về tư liệu sản xuất, nhiều thành phần kinh tế, giai cấp, tầng lớp xã hội khác nhau, nhưng cơ cấu, tính chất, vị trí của các giai cấp trong xã hội ta đã thay đổi nhiều cùng với nhiều biến đổi to lớn về kinh tế, xã hội. mối quan hệ giữa các giai cấp, các tầng lớp xã hội là quan hệ hợp tác và đấu tranh trong nội bộ nhân dân, đoàn kết và hợp tác lâu dài trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc dưới sự lãnh đạo của Đảng. Lợi ích giai cấp công nhân thống nhất với lợi ích toàn dân tộc trong mục tiêu chung là: độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, dân giàu nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.

- Nội dung chủ yếu của đấu tranh giai cấp trong giai đoạn hiện nay là thực hiện thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa theo định hướng xã hội chủ nghĩa, khắc phục tình trạng nước nghèo, kém phát triển; thực hiện công bằng xã hội, chống áp bức, bất công; đấu tranh ngăn chặn và khắc phục những tư tưởng và hành động tiêu cực, sai trái; đấu tranh làm thất bại mọi âm mưu và hành động chống phá của các thế lực thù địch; bảo vệ độc lập dân tộc, xây dựng nước ta thành một nước xã hội chủ nghĩa phồn vinh, nhân dân hạnh phúc.

- Động lực chủ yếu phát triển đất nước là đại đoàn kết toàn dân trên cơ sở liên minh giữa công nhân với nông dân và trí thức do Đảng lãnh đạo, kết hợp hài hòa các lợi ích cá nhân, tập thể và xã hội, phát huy mọi tiềm năng và nguồn lực của các thành phần kinh tế, của toàn xã hội.

*\*Nhận thức mới về cơ cấu và cơ chế vận hành của hệ thống chính trị*

Hệ thống chính trị vận hành theo cơ chế:

- Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ; trong đó Đảng vừa là một bộ phận của hệ thống chính trị, vừa là hạt nhân lãnh đạo hệ thống ấy, hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp, pháp luật; không chấp nhận đa nguyên chính trị, đa đảng đối lập.

- Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân do Đảng Cộng sản lãnh đạo; có chức năng thể chế hóa và tổ chức thực hiện đường lối, quan điểm của Đảng.

- Mặt trận Tổ quốc Việt Nam là liên minh chính trị của các đoàn thể nhân dân và cá nhân tiêu biểu của các giai cấp và tầng lớp xã hội, các dân tộc, các tôn giáo; là cơ sở chính trị của chính quyền nhân dân; hoạt động theo phương thức hiệp thương dân chủ, có vai trò quan trọng trong việc thực hiện phản biện, giám sát xã hội, góp phần xây dựng Đảng, xây dựng Nhà nước, phát huy quyền làm chủ của nhân dân.

- Nhân dân là người làm chủ xã hội, làm chủ thông qua Nhà nước và các cơ quan đại diện, đồng thời làm chủ trực tiếp cơ sở thông qua cơ chế “dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra”, làm chủ thông qua hình thức tự quản.

*\*Nhận thức mới về xây dựng nhà nước pháp quyền trong hệ thống chính trị.*

Trong đổi mới tư duy về hệ thống chính trị, vấn đề đổi mới tư duy về Nhà nước có tầm quan trọng đặc biệt. Thuật ngữ “Xây dựng nhà nước pháp quyền” lần đầu tiên được đề cập tại Hội nghị Trung ương 2 khóa VII (năm 1991). Đền hội nghị đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ khóa VII (năm 1991) và các Đại hội VIII, IX, X, Đảng cộng sản Việt Nam tiếp tục khẳng định nhiệm vụ xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam và làm rõ thêm: nhà nước quản lý xã hội bằng Hiến pháp và pháp luật; pháp luật giữ vị trí tối

thượng trong việc điều chỉnh các quan hệ xã hội; người dân được hưởng mọi quyền dân chủ, có quyền tự do sống và làm việc theo khả năng và sở thích của mình trong phạm vi pháp luật cho phép.

*\*Nhận thức mới về vai trò của Đảng trong hệ thống chính trị.*

Nhận thức rõ hơn về vị trí, vai trò và phương thức lãnh đạo của Đảng đối với hệ thống chính trị. Đảng Cộng sản Việt Nam cầm quyền là đảng lãnh đạo nhà nước nhưng không làm thay nhà nước.

Đảng quan tâm xây dựng và củng cố Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị-xã hội, phát huy vai trò của các thành tố này trong quản lý, điều hành xã hội. Đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng phải đồng bộ với đổi mới tổ chức và hoạt động của hệ thống chính trị, đổi mới kinh tế.

## **2. Mục tiêu, quan điểm và chủ trương xây dựng hệ thống chính trị thời kỳ đổi mới**

### *a) Mục tiêu và quan điểm xây dựng hệ thống chính trị*

- Mục tiêu: nhằm thực hiện tốt dân chủ xã hội chủ nghĩa, phát huy đầy đủ quyền làm chủ của nhân dân. Toàn bộ tổ chức và hoạt động của hệ thống chính trị ở nước ta trong giai đoạn mới là nhằm xây dựng và hoàn thiện nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, bảo đảm quyền lực thuộc về nhân dân.
- Quan điểm:
  - Kết hợp chặt chẽ ngay từ đầu đổi mới kinh tế với đổi mới chính trị, lấy đổi mới kinh tế làm trọng tâm, đồng thời từng bước đổi mới chính trị.
  - Đổi mới tổ chức và phương thức hoạt động của hệ thống chính trị không phải là hạ thấp hoặc thay đổi bản chất của nó, mà là nhằm tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng, hiệu lực quản lý của nhà nước, phát huy quyền làm chủ của nhân dân, làm cho hệ thống chính trị năng động hơn, có hiệu quả hơn, phù hợp với đường lối đổi mới toàn diện, đồng bộ đất nước, đặc biệt là phù hợp với yêu cầu của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa gắn liền với kinh tế tri thức, yêu cầu hội nhập kinh tế quốc tế.
  - Đổi mới hệ thống chính trị một cách toàn diện, đồng bộ, có thừa kế, có bước đi và cách làm phù hợp.
  - Đổi mới mối quan hệ giữa các bộ phận cấu thành của hệ thống chính trị với nhau và với xã hội, tạo ra sự vận động cùng chiều theo hướng tác động, thúc đẩy xã hội phát triển, phát huy quyền làm chủ của nhân dân.

### *b) Chủ trương xây dựng hệ thống chính trị*

- Xây dựng Đảng Cộng sản Việt Nam trong hệ thống chính trị
- Đảng Cộng sản Việt Nam là đội tiên phong của giai cấp công nhân, đồng thời là đội tiên phong của nhân dân lao động và của dân tộc Việt Nam, đại biểu trung thành lợi ích của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của dân tộc.
- Phương thức lãnh đạo: Đảng lãnh đạo xã hội bằng cương lĩnh, chiến lược, các định hướng về chính sách và chủ trương công tác; bằng công tác tuyên truyền, thuyết phục, vận động, tổ chức kiểm tra và bằng hành động gương mẫu của Đảng viên. Đảng giới thiệu những đảng viên ưu tú có đủ năng lực và phẩm chất vào hoạt động trong các cơ quan lãnh đạo chính quyền và các đoàn thể. Đảng không làm thay công việc của các tổ chức khác trong hệ thống chính trị. Đảng lãnh đạo hệ thống chính trị, đồng thời là một bộ phận của hệ thống ấy. Đảng liên hệ mật thiết với nhân dân, chịu sự giám sát của nhân dân, hành động trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật.
- Trọng tâm của đổi mới hệ thống chính trị là đổi mới tổ chức và phương thức hoạt động của các bộ phận cấu thành hệ thống. vấn đề mấu chốt và khó khăn nhất là đổi mới phương thức hoạt động của Đảng, khắc phục cả hai khuynh hướng thường xảy ra trong thực tế: hoặc Đảng bao biện, làm thay, hoặc là buông lỏng sự lãnh đạo của Đảng.
- Đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với hoạt động của hệ thống chính trị phải được đặt trong tổng thể, dựa trên cơ sở kiên định các nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Đảng, đồng thời phải chủ động, tích cực, có quyết tâm chính trị cao, thận trọng, có bước đi vững chắc, vừa làm vừa tổng kết, vừa rút kinh nghiệm.
- Đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với hoạt động của hệ thống chính trị ở mỗi cấp, mỗi ngành vừa phải quán triệt những nguyên tắc chung, vừa phải phù hợp với đặc điểm, yêu cầu, nhiệm vụ của từng cấp, từng ngành.
- Xây dựng nhà nước pháp quyền chủ nghĩa
- Nhà nước pháp quyền là một tất yếu lịch sử. chế định nhà nước pháp quyền không phải một kiểu nhà nước, chế độ nhà nước. Nhà nước pháp quyền là cách thức tổ chức phân công quyền lực nhà nước. Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam được xây dựng theo 5 đặc điểm sau đây:

- Nhà nước của dân, do dân và vì dân, tất cả quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân.
- Quyền lực Nhà nước là thống nhất, có sự phân công rành mạch và phối hợp chặt chẽ giữa cơ quan nhà nước trong thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp.
- Nhà nước được tổ chức và hoạt động trên cơ sở Hiến pháp, pháp luật và đảm bảo cho Hiến pháp và các đạo luật giữ vị trí tối thượng trong điều chỉnh các quan hệ thuộc tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội.
- Nhà nước tôn trọng và bảo đảm quyền con người, quyền công dân; nâng cao trách nhiệm pháp lý giữa nhà nước và công dân, thực hành dân chủ, đồng thời tăng cường kỷ cương, kỷ luật.
- Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam do một đảng duy nhất lãnh đạo, có sự giám sát của nhân dân, sự phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và tổ chức thành viên của Mặt trận.
- Các biện pháp lớn để xây dựng nhà nước pháp quyền: Hoàn thiện hệ thống pháp luật, tăng tính cụ thể, khả thi của các quy định trong văn bản pháp luật. Xây dựng, hoàn thiện cơ chế kiểm tra, giám sát tính hợp hiến, hợp pháp trong các hoạt động và quyết định của các cơ quan công quyền; Tiếp tục đổi mới tổ chức và hoạt động của Quốc hội; hoàn thiện cơ chế bầu cử để nâng cao chất lượng đại biểu Quốc hội; đổi mới quy trình xây dựng luật, giảm việc ban hành pháp lệnh; thực hiện tốt hơn nhiệm vụ quyết định các vấn đề quan trọng của đất nước và chức năng giám sát tối cao; Đẩy mạnh cải cách hành chính, đổi mới tổ chức và hoạt động của Chính phủ theo hướng xây dựng cơ quan hành pháp thống nhất, thông suốt, hiện đại; Xây dựng hệ thống cơ quan tư pháp trong sạch, vững mạnh, dân chủ, nghiêm minh, bảo vệ công lý, quyền cao người. Xây dựng cơ chế phán quyết về những vi phạm hiến pháp trong hoạt động lập pháp, hành pháp và tư pháp; Nâng cao chất lượng hoạt động của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân, đảm bảo quyền tự chủ và tự chịu trách nhiệm của chính quyền địa phương trong phạm vi được phân cấp.
- Xây dựng Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị-xã hội trong hệ thống chính trị.
- Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị-xã hội có vai trò quan trọng trong việc tập hợp, vận động, đoàn kết rộng rãi các tầng lớp nhân dân; đại diện cho quyền và lợi ích hợp pháp của nhân dân, đề xuất các chủ trương, chính sách về kinh tế, văn hóa, xã hội, an ninh, quốc phòng.
- Nhà nước ban hành cơ chế để Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị-xã hội thực hiện tốt vai trò giám sát và phản biện xã hội.
- Thực hiện Luật Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Luật thanh niên, Luật công đoàn..., quy chế dân chủ ở mọi cấp để Mặt trận, các tổ chức chính trị-xã hội và các tầng lớp nhân dân tham gia xây dựng hệ thống chính trị.
- Đổi mới hoạt động của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị-xã hội, khắc phục tình trạng hành chính hóa, nhà nước hóa, phô trương, hình thức; nâng cao chất lượng hoạt động; làm tốt công tác dân vận theo phong cách trọng dân, gần dân, hiểu dân, học dân và có trách nhiệm với dân, nghe dân nói, nói dân hiểu, làm dân tin.

### **3. Đánh giá sự thực hiện đường lối**

- *Thành tựu và ý nghĩa*
- Hệ thống chính trị ở nước ta đã có nhiều đổi mới:
- Tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị được sắp xếp theo hướng tinh gọn, hiệu quả. Hoạt động của hệ thống chính trị ngày càng hướng về cơ sở. Quốc hội, Chính phủ, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp trong các khóa đã đổi mới theo hướng phát huy dân chủ, cải cách hành chính, công khai các hoạt động của chính quyền, tăng cường đối thoại, tôn trọng và lắng nghe ý kiến của nhân dân.
- Dân chủ trong xã hội có bước phát triển. trình độ và năng lực làm chủ của nhân dân từng bước được nâng lên.
- Nhiệm vụ và quyền hạn của các cơ quan nhà nước được phân định rõ hơn, phân biệt quản lý nhà nước với quản lý sản xuất kinh doanh. Cơ cấu tổ chức đến cơ chế hoạt động các lĩnh vực lập pháp, hành pháp và tư pháp từng bước được kiện toàn. Quản lý nhà nước bằng pháp luật được tăng cường.
- Mặt trận, các tổ chức chính trị-xã hội có nhiều đổi mới về tổ chức, bộ máy: đổi mới nội dung và phương thức hoạt động, đa dạng hóa các hình thức để tập hợp ngày càng đông đảo các tầng lớp nhân dân, phát huy dân chủ, chăm lo và bảo vệ lợi ích chính đáng của nhân dân, tham gia xây dựng, chỉnh đốn Đảng, tham gia xây dựng và củng cố chính quyền; hướng mạnh hoạt động về cơ sở, bước đầu thực hiện nhiệm vụ về giám sát phản biện xã hội.
- Đảng thường xuyên coi trọng việc đổi mới và tự chỉnh đốn, giữ vững và nâng cao vai trò lãnh đạo của Đảng đối với sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta trong điều kiện mới. Phương thức lãnh đạo của Đảng đối với hệ thống chính trị, phong cách công tác có nhiều đổi mới và tiến bộ; dân chủ trong Đảng được phát huy, quan hệ mật thiết giữa Đảng với nhân dân được củng cố. Hệ thống chính trị đã thực hiện có hiệu quả một số đổi mới quan trọng, đặc biệt về quyền làm chủ của nhân dân. Đổi mới về tổ chức và phương thức hoạt động của hệ



thống chính trị đã góp phần xây dựng và từng bước hoàn thiện nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, bảo đảm quyền lực thuộc về nhân dân. Kết quả đạt được của đổi mới hệ thống chính trị đã khắc phục dần được những khuyết, nhược điểm của hệ thống chuyên chính vô sản trước đây, góp phần làm nên thành tựu to lớn và có ý nghĩa lịch sử của công cuộc đổi mới ở nước ta.

*\*Tuy vậy, trên thực tế vận hành hệ thống chính trị nước ta còn nhiều nhược điểm:*

- Năng lực và hiệu quả lãnh đạo của Đảng, hiệu lực quản lý, điều hành của Nhà nước, hiệu quả hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị-xã hội chưa ngang tầm với đòi hỏi của tình hình, nhiệm vụ mới.
- Việc cải cách nền hành chính quốc gia còn rất hạn chế. Bộ máy hành chính còn nhiều tầng, nấc làm cho việc quản lý các quá trình kinh tế-xã hội chưa thật nhanh, nhạy và có hiệu quả cao. Tình trạng quan liêu hách dịch, những nhiễu của một bộ phận công chức nhà nước chưa được khắc phục; kỷ cương, phép nước bị xem thường ở nhiều nơi.
- Phương thức tổ chức, phong cách hoạt động của Mặt trận và các tổ chức chính trị-xã hội vẫn chưa thoát khỏi tình trạng hoàn chỉnh, sơ cứng; một số cán bộ bị “viên chức hóa”, chưa thật gần bó với quần chúng. Nạn tham nhũng trong hệ thống chính trị còn trầm trọng, bệnh cục bộ, bản vị, địa phương còn khá phổ biến. quyền làm chủ của nhân dân còn bị vi phạm.
- Vai trò giám sát, phản biện của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị-xã hội còn yếu, chưa cơ chế thật hợp lý để phát huy vai trò này. Đội ngũ cán bộ của hệ thống chính trị nói chung, của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị-xã hội nói riêng chất lượng còn hạn chế, nhất là cấp cơ sở.
- Phương thức lãnh đạo của Đảng đối với hoạt động của hệ thống chính trị còn chậm đổi mới, có mặt còn lúng túng.

*\*Những hạn chế nêu trên xuất phát từ nguyên nhân chủ yếu là nhận thức về đổi mới hệ thống chính trị chưa có sự thống nhất cao, trong hoạch định và thực hiện một số chủ trương, giải pháp còn có sự ngập ngừng, lúng túng, thiếu dứt khoát, không triệt để. Việc đổi mới hệ thống chính trị chưa được quan tâm đúng mức, còn chậm trễ so với đổi mới kinh tế. Lý luận về hệ thống chính trị và về đổi mới hệ thống chính trị ở nước ta còn nhiều điểm cần phải nghiên cứu và phát triển thêm.*

## **Câu 17: Anh chị hãy làm rõ: quan điểm, chủ trương xây dựng & phát triển văn hóa Việt Nam thời kì đổi mới & ý nghĩa thực tiễn của những nội dung này đối với sự nghiệp xây dựng & phát triển văn hóa Việt Nam những năm qua?**

### **a) Các quan điểm chỉ đạo và chủ trương về xây dựng và phát triển văn hoá**

**Một là**, văn hoá là nền tảng tinh thần của XH, vừa là mục tiêu vừa là động lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế XH

*-Văn hoá là nền tảng tinh thần của XH.*

Văn hoá được tạo thành bởi một hệ các giá trị tạo nên bản sắc của mỗi dân tộc, các giá trị này thấm nhuần trong mỗi con người và cả cộng đồng, được tiếp nối qua các thế hệ, được vật chất hoá bền vững trong cấu trúc kinh tế XH. Nó tác động hàng ngày đến cuộc sống vật chất tinh thần của mọi thành viên bằng môi trường văn hoá XH. Vì vậy chúng ta phải làm cho văn hoá thấm sâu vào mọi lĩnh vực của đời sống XH, đó là con đường để các giá trị văn hoá trở thành nền tảng tinh thần bền vững của XH trở thành động lực phát triển kinh tế XH

*-Văn hoá là động lực thúc đẩy sự phát triển*

Văn hoá là kết quả của sự sáng tạo con người thể hiện tiềm năng sáng tạo của dân tộc. Vì vậy nó là nguồn lực nội sinh cho sự phát triển của dân tộc đó. Kinh nghiệm đổi mới thành công đã chứng minh luận điểm trên. Trong nền kinh tế tri thức, hàm lượng văn hóa trong các lĩnh vực của đời sống càng cao bao nhiêu thì khả năng phát triển KT-XH càng hiện thực và bền vững bấy nhiêu.

Văn hoá đóng vai trò động lực và điều tiết trong kinh tế thị trường. Văn hóa Việt Nam đương đại sẽ là một tiền đề quan trọng đưa nước ta hội nhập sâu hơn và toàn diện hơn vào nền KT thế giới. Văn hóa cổ vũ, hướng dẫn cho một lối sống hài hòa và chừng mực với hành tinh của chúng ta, vì sự phát triển bền vững cho thế hệ hôm nay và thế hệ mai sau.

*-Văn hoá là một mục tiêu của phát triển*

Mục tiêu của văn hóa chính là: “dân giàu nước mạnh, XH công bằng dân chủ văn minh”. Chiến lược phát triển KT-XH 1991-2000 xác định: mục tiêu và động lực chính của sự phát triển là vì con người, do con người. Đó là chiến lược phát triển bền vững. Trong thực tế nhận thức và hành động, mục tiêu KT vẫn thường lấn át mục tiêu XH. Văn hoá vẫn thường bị xem là đứng ngoài kinh tế. Hệ quả là KT có thể tăng trưởng nhưng văn hoá bị suy giảm. Chúng ta phải chủ trương phát triển văn hóa gắn kết chặt chẽ và đồng bộ hơn với phát triển KT-XH, khai thác tiềm năng kinh tế của văn hoá.

*- Văn hoá có vai trò đặc biệt quan trọng trong việc bồi dưỡng, phát huy nhân tố con người và xây dựng XH mới.*

Tài nguyên thiên nhiên đều có hạn, chỉ có tri thức con người mới là vô hạn. Quốc gia nào đạt thành tựu giáo dục cao, có vốn trí tuệ toàn dân nhiều thì quốc gia đó có khả năng tăng trưởng dồi dào. Văn hóa trực tiếp tạo dựng và nâng cao vốn “tài nguyên người”

**Hai là**, nền văn hoá mà ta xây dựng là nền văn hoá tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc

*-Tiên tiến là yêu nước và tiến bộ với nội dung cốt lõi là lý tưởng độc lập dân tộc và CNXH. Tiên tiến không chỉ về nội dung tư tưởng mà cả trong hình thức biểu hiện, trong phương tiện chuyển tải nội dung.*

*-Bản sắc dân tộc* bao gồm cả những giá trị văn hoá truyền thống bền vững của dân tộc Việt Nam; bản sắc dân tộc thể hiện sức sống bên trong của dân tộc, đậm nét trong các hình thức biểu hiện mang tính dân tộc độc đáo, trong tất cả các lĩnh vực của đời sống. Bản sắc dân tộc cũng phát triển theo thể chế kinh tế, xã hội và chính trị của quốc gia, theo quá trình hội nhập, giao lưu, tiếp nhận văn minh nhân loại.

Để xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, chúng ta chủ trương vừa bảo vệ bản sắc dân tộc, vừa mở rộng giao lưu, tiếp thu văn hóa nhân loại; xây dựng Việt Nam thành một địa chỉ giao lưu văn hóa khu vực và quốc tế.

**Ba là,** nền văn hoá Việt Nam là nền văn hoá thống nhất mà đa dạng trong cộng đồng các dân tộc Việt Nam.

Mỗi thành phần dân tộc có truyền thống và bản sắc của mình, nhưng cả cộng đồng các dân tộc Việt Nam có nền văn hoá chung thống nhất. Thống nhất cả bao hàm tính đa dạng, đa dạng trong sự thống nhất, không có sự đồng hóa hoặc thôn tính, kỳ thị bản sắc văn hóa các dân tộc. Bảo vệ bản sắc dân tộc, chống lạc hậu lỗi thời, mở rộng giao lưu tiếp thu tinh hoa văn hoá nhân loại là nhiệm vụ của chúng ta.

**Bốn là,** xây dựng và phát triển văn hoá là sự nghiệp của toàn dân, do đảng lãnh đạo, trong đó đội ngũ tri thức giữ vai trò quan trọng.

CM là sự nghiệp của quần chúng thì xây dựng văn hoá là công việc do mọi người cùng thực hiện. Làm cho văn hoá thấm thấu trong mọi lĩnh vực của đời sống XH, thực hành văn hoá là hoạt động hàng ngày của mỗi người dân. Đội ngũ tri thức gắn bó với nhân dân giữ vai trò quan trọng trong sự nghiệp này.

**Năm là,** giáo dục đào tạo cùng với khoa học và công nghệ được coi là quốc sách hàng đầu

Hội nghị TW2, khoá VIII (tháng 12-1996) Đảng ta đã xác định: cùng với giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ là quốc sách hàng đầu. Thực hiện quốc sách này, chúng ta chủ trương: nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, chuyển dần sang mô hình giáo dục mở, đổi mới mạnh mẽ hệ thống giáo dục, nâng cao trình độ giáo viên, thực hiện XH hóa giáo dục, tăng cường hợp tác quốc tế, đổi mới cơ chế quản lý khoa học và công nghệ.

**Sáu là,** văn hoá là một mặt trận; xây dựng và phát triển văn hoá là sự nghiệp cách mạng lâu dài, đòi hỏi phải có ý chí cách mạng và sự kiên trì thận trọng

Văn hoá là một mặt trận của cách mạng Việt Nam, quan trọng và gian khổ không kém mặt trận kinh tế, mặt trận chính trị. Hoạt động xây và chống trong văn hoá là quá trình cách mạng lâu dài khó khăn phức tạp và cần có ý chí cách mạng có tính chiến đấu tính kiên trì thận trọng, đòi hỏi nhiều thời gian.

#### b) Ý nghĩa thực tiễn

Trong những năm qua, cơ sở vật chất, kỹ thuật của nền văn hóa mới đã bước đầu được tạo dựng; quá trình đổi mới tư duy, xây dựng con người phát triển rõ rệt; hợp tác quốc tế về văn hóa được mở rộng.

Giáo dục đào tạo có bước phát triển mới. Quy mô giáo dục mở rộng, chất lượng có chuyển biến. Dân trí tiếp tục được nâng cao.

Khoa học và công nghệ phát triển hơn, phục vụ thiết thực hơn cho nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội.

Đời sống văn hóa và nếp sống văn minh có tiến bộ ở tất cả các tỉnh, thành trong cả nước.

Những thành tựu thực tiễn chứng tỏ đường lối, chính sách văn hóa của Đảng và nhà nước đã và đang phát huy tác dụng tích cực, định hướng đúng đắn cho sự phát triển đời sống văn hóa. Những thành tựu này cũng là kết quả của sự tham gia tích cực của nhân dân và những nỗ lực rất lớn của các lực lượng hoạt động trên lĩnh vực văn hóa.

## **Câu 18: Anh chị hãy làm rõ: Quá trình đổi mới tư duy của Đảng về nhận thức và giải quyết các vấn đề XH trong thời kỳ đổi mới và Ý nghĩa thực tiễn của nó.**

### **❖ Quá trình đổi mới nhận thức về giải quyết các vấn đề XH**

- Tại ĐH VI, lần đầu tiên Đảng ta nâng các vấn đề XH lên tầm *chính sách XH*, đặt rõ tầm quan trọng của chính sách XH đối với chính sách kinh tế và chính sách ở các lĩnh vực khác. ĐH cho rằng, trình độ phát triển kinh tế là điều kiện vật chất để thực hiện chính sách XH nhưng những mục tiêu XH lại là mục đích của các hoạt động kinh tế. Ngay trong khuôn khổ của hoạt động kinh tế, chính sách XH có ảnh hưởng trực tiếp đến năng suất lao động, chất lượng sản phẩm...Do đó, cần có chính sách XH cơ bản, lâu dài, phù hợp với yêu cầu và khả năng trong chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ.

- Mục tiêu của chính sách XH thống nhất với mục tiêu phát triển kinh tế ở chỗ đều nhằm phát huy sức mạnh của nhân tố con người. Phát triển kinh tế là cơ sở và tiền đề để thực hiện các chính sách XH, đồng thời thực hiện tốt các chính sách XH là động lực thúc đẩy phát triển kinh tế.

- ĐH VIII của Đảng chủ trương, hệ thống chính sách XH phải được hoạch định theo những quan điểm sau đây:

+ Tăng trưởng kinh tế phải gắn liền với tiến bộ và công bằng XH ngay trong từng bước và trong suốt quá trình phát triển. Công bằng XH phải thể hiện ở cả khâu phân phối hợp lý tư liệu sản xuất cũng như ở khâu phân phối kết quả sản xuất, ở việc tạo điều kiện cho mọi người đều có cơ hội phát triển và sử dụng tốt năng lực của mình.

+ Thực hiện nhiều hình thức phân phối.

+ Khuyến khích làm giàu hợp pháp đi đôi với tích cực xóa đói giảm nghèo.

+ Các vấn đề chính sách XH đều giải quyết theo tinh thần XH hóa.

- ĐH IX của Đảng chủ trương, các chính sách XH phải hướng vào phát triển và làm lành mạnh hóa XH, thực hiện công bằng trong phân phối, tạo động lực mạnh mẽ phát triển sản xuất, tăng năng suất lao động XH, thực hiện bình đẳng trong các quan hệ XH, khuyến khích nhân dân làm giàu hợp pháp.

- ĐH X của Đảng chủ trương, phải kết hợp các mục tiêu kinh tế với các mục tiêu XH trong phạm vi cả nước, ở từng lĩnh vực, địa phương.

- Trong điều kiện Việt Nam gia nhập WTO, hội nhập sâu rộng hơn vào hệ thống kinh tế quốc tế, Hội nghị Trung Ương 4 khóa X (tháng 1/2007) nhấn mạnh: phải giải quyết tốt các vấn đề XH nảy sinh trong quá trình thực thi các cam kết với WTO. Xây dựng cơ chế đánh giá và cảnh báo định kỳ về tác động của việc gia nhập WTO đối với lĩnh vực XH để có biện pháp xử lý chủ động, đúng đắn, kịp thời.

### **❖ Quan điểm về giải quyết các vấn đề XH.**

**Một:** Kết hợp các mục tiêu kinh tế với các mục tiêu XH.

- Kế hoạch phát triển kinh tế phải tính đến mục tiêu phát triển các lĩnh vực XH có liên quan trực tiếp.

- Mục tiêu phát triển kinh tế phải tính đến các tác động và hậu quả XH có thể xảy ra để chủ động xử lý.

- Phải tạo được sự thống nhất, đồng bộ giữa chính sách kinh tế và chính sách XH.

- Sự kết hợp giữa 2 loại mục tiêu này phải được quán triệt ở tất cả các cấp, các ngành, các địa phương, ở từng đơn vị kinh tế cơ sở.

**Hai:** Xây dựng và hoàn thiện thể chế gắn kết tăng trưởng kinh tế với tiến bộ, công bằng XH trong từng bước và từng chính sách phát triển.

- Trong từng bước và từng chính sách phát triển ( của chính phủ hay của ngành, của Trung ương hay của địa phương ), cần đặt rõ và xử lý hợp lý việc gắn kết giữa tăng trưởng kinh tế với tiến bộ và công bằng XH.

- Nhiệm vụ “gắn kết” này không dừng lại như 1 khẩu hiệu, 1 lời khuyến nghị, mà phải được pháp chế hóa thành các thể chế có tính cưỡng chế, buộc các chủ thể phải thi hành.

- Các cơ quan, các nhà hoạch định chính sách phát triển quốc gia phải thấu triệt quan điểm phát triển bền vững, phát triển “sạch”, phát triển hài hòa, không chạy theo số lượng, tăng trưởng bằng mọi giá.

**Ba:** chính sách XH được thực hiện trên cơ sở phát triển kinh tế, gắn bó hữu cơ giữa quyền lợi và nghĩa vụ, giữa cống hiến và hưởng thụ.

- Chính sách XH có vị trí, vai trò độc lập tương đối so với kinh tế, nhưng không thể tách rời trình độ phát triển kinh tế, cũng như không thể dựa vào viện trợ như thời kỳ bao cấp.

- Trong chính sách XH, phải gắn bó giữa quyền lợi và nghĩa vụ, giữa cống hiến và hưởng thụ. Đó là một yêu cầu của công bằng XH và tiến bộ XH, xóa bỏ bao cấp, cào bằng, chấm dứt cơ chế xin – cho trong chính sách XH.

**Bốn:** coi trọng chỉ tiêu GDP bình quân đầu người gắn với chỉ tiêu phát triển con người (HDI) và chỉ tiêu phát triển các lĩnh vực XH.

Quan điểm này khẳng định mục tiêu cuối cùng và cao nhất của sự phát triển phải là vì con người, vì 1 xã hội dân giàu, nước mạnh, công bằng, dân chủ, văn minh. Phát triển phải bền vững, không chạy theo số lượng tăng trưởng.

❖ **Chủ trương giải quyết các vấn đề XH.**

**Một:** khuyến khích mọi người dân làm giàu theo pháp luật, thực hiện có hiệu quả mục tiêu xóa đói giảm nghèo.

- Tạo cơ hội, điều kiện cho mọi người tiếp cận bình đẳng các nguồn lực phát triển.
- Tạo động lực làm giàu trong đông đảo dân cư bằng tài năng, sáng tạo của bản thân, trong khuôn khổ pháp luật và đạo đức cho phép.
- Xây dựng và thực hiện có kết quả cao chương trình xóa đói giảm nghèo, đề phòng tái đói, tái nghèo, nâng cao dần chuẩn đói nghèo khi mức sống chung tăng lên.

**Hai:** bảo đảm cung ứng dịch vụ công thiết yếu, bình đẳng cho mọi người dân, tạo việc làm và thu nhập, chăm sóc sức khỏe cộng đồng.

- Xây dựng hệ thống an sinh XH đa dạng, phát triển mạnh hệ thống bảo hiểm.
- Đa dạng hóa các loại hình cứu trợ XH, tạo nhiều việc làm ở trong nước và đẩy mạnh xuất khẩu lao động.
- Thực hiện chính sách ưu đãi XH.
- Đổi mới chính sách tiền lương, phân phối chính sách XH công bằng, hợp lý.

**Ba:** phát triển hệ thống y tế công bằng và hiệu quả.

Hoàn thiện mạng lưới y tế cơ sở, quan tâm chăm sóc y tế tốt hơn đối với các đối tượng chính sách, phát triển các dịch vụ y tế công nghệ cao, các dịch vụ y tế ngoài công lập.

**Bốn:** xây dựng chiến lược quốc gia về nâng cao sức khỏe và cải thiện giống nòi.

- Quan tâm chăm sóc sức khỏe sinh sản. Giảm nhanh tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng.
- Đẩy mạnh công tác bảo vệ giống nòi, kiên trì phòng chống HIV / AIDS và các tệ nạn XH.

**Năm:** thực hiện tốt các chính sách dân số và kế hoạch hóa gia đình.

Giảm tốc độ tăng dân số, bảo đảm quy mô và cơ cấu dân số hợp lý.

Xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc, bảo đảm bình đẳng giới, chống nạn bạo hành trong quan hệ gia đình.

**Sáu:** chú trọng các chính sách ưu đãi XH.

**Bảy:** đổi mới cơ chế quản lý và phương thức cung ứng các dịch vụ công cộng.

❖ **Đánh giá sự thực hiện đường lối.**

- Sau hơn 20 năm đổi mới chính sách XH, nhận thức về vấn đề phát triển XH của Đảng và nhân dân ta đã có những thay đổi có ý nghĩa bước ngoặt quan trọng sau đây:

+ Từ tâm lý thụ động, ỷ lại vào Nhà nước và tập thể, trông chờ viện trợ đã chuyển sang tính năng động, chủ động và tích cực XH của tất cả các tầng lớp dân cư.

+ Từ chỗ đề cao quá mức lợi ích hợp pháp của tập thể 1 cách chung chung, trừu tượng, thi hành chế độ phân phối theo lao động trên danh nghĩa nhưng thực tế là bình quân, cào bằng đã từng bước chuyển sang thực hiện phân phối chủ yếu theo kết quả lao động và hiệu quả kinh tế, đồng thời phân phối theo mức đóng góp các nguồn lực khác vào sản xuất kinh doanh và thông qua phúc lợi XH. Nhờ vậy, công bằng XH được thực hiện ngày 1 rõ hơn.

+ Từ chỗ không đặt đúng tầm quan trọng của chính sách XH trong mối quan hệ tương tác với chính sách kinh tế đã đi đến thống nhất chính sách kinh tế với chính sách XH.

+ Từ chỗ Nhà nước bao cấp toàn bộ trong việc giải quyết việc làm đã dần dần chuyển trọng tâm sang thiết lập cơ chế, chính sách để các thành phần kinh tế và người lao động đều tham gia tạo việc làm.

+ Từ chỗ không chấp nhận có sự phân hóa giàu nghèo đã khuyến khích mọi người làm giàu hợp pháp đi đôi với tích cực xóa đói giảm nghèo, coi việc có 1 bộ phận dân cư giàu trước là cần thiết cho sự phát triển.

+ Từ chỗ muốn nhanh chóng xây dựng 1 cơ cấu XH “thuần nhất” chỉ còn có giai cấp công nhân, giai cấp nông dân tập thể và tầng lớp trí thức đã đi đến quan niệm cần thiết xây dựng 1 cộng đồng XH đa dạng, trong đó các giai cấp, các tầng lớp dân cư đều có nghĩa vụ, quyền lợi chính đáng, đoàn kết chặt chẽ, góp phần xây dựng nước Việt Nam giàu mạnh.

- Qua hơn 20 năm đổi mới, lĩnh vực phát triển XH đã đạt nhiều thành tựu. Tính năng động XH khác hẳn thời bao cấp. Một XH mở đang dần dần hình thành với những con người không chờ bao cấp, dám nghĩ dám chịu trách nhiệm, không chấp nhận đói nghèo, lạc hậu, biết làm giàu, biết cạnh tranh và hành động vì cộng đồng, vì Tổ quốc. Cách thức quản lý XH dân chủ, cởi mở hơn, đề cao pháp luật hơn.

- Bên cạnh giai cấp công nhân, giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức, đã xuất hiện ngày càng đông đảo các doanh nhân, tiểu chủ, chủ trang trại và các nhóm XH khác phấn đấu vì sự nghiệp “dân giàu, nước mạnh”. Thành tựu xóa đói giảm nghèo được nhân dân đồng tình, được quốc tế thừa nhận.

- Đã coi phát triển giáo dục và đào tạo cùng với Khoa học và Công nghệ là quốc sách hàng đầu để phát triển XH, tăng trưởng kinh tế nhanh và bền vững. Có cố gắng thực hiện công bằng XH trong giáo dục, trong chăm sóc sức khỏe nhân dân, tạo điều kiện để ai cũng được học hành, có chính sách trợ cấp và bảo hiểm y tế cho người nghèo.

## **Câu 19: Hãy làm rõ: đường lối đối ngoại, hội nhập kinh tế quốc tế thời kì đổi mới và ý nghĩa cả đường lối này đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.**

### **1. Hoàn cảnh lịch sử:**

#### **➤ Thế giới:**

Từ giữa thập kỉ 80, cuộc cách mạng khoa học- công nghệ phát triển một cách kì diệu, tác động sâu sắc đến mọi mặt của đời sống các dân tộc.

Các nước XHCN rơi vào khủng hoảng đi vào cải tổ, cải cách, đổi mới dẫn tới sự sụp đổ của các nước XHCN ở Đông Âu và Liên Xô, 2 thế cực bị phá vỡ, mở ra sự hình thành một trật tự thế giới mới.

Xu thế chạy đua, phát triển kinh tế đã đổi mới tư duy đối ngoại là phải đa dạng hóa, đa phương hóa quan hệ quốc tế, tăng cường liên kết, hợp tác để cùng nhau phát triển.

Các nước đổi mới quan niệm sức mạnh và vị thế quốc gia, từ cách đánh giá dựa vào sức mạnh quân sự sang các tiêu chí tổng hợp, trong đó, sức mạnh kinh tế - khoa học – công nghệ được đặt ở vị trí quan hệ hàng đầu. Xu thế toàn cầu hóa, hội nhập kinh tế thế giới phát triển, lan tỏa, hình thành xu hướng vừa hợp tác, vừa đấu tranh cùng tồn tại hoà bình.

Khu vực Châu Á – Thái Bình Dương từ thập kỉ 80 là khu vực phát triển kinh tế năng động song cũng là khu vực tiềm ẩn nhiều nguy cơ gây mất ổn định.

#### **➤ Trong nước:**

Sự bao vây. Chống phá của thế lực thù địch từ nửa cuối thập kỉ 70 tạo nên tình trạng căng thẳng, khó khăn, cản trở cho sự phát triển của Việt Nam.

Hậu quả của những sai lầm của Đảng và nhà nước mắc phải làm cho nước ta lâm vào khủng hoảng kinh tế, xã hội. Đó là thách thức rất lớn.

Tóm lại, trên đây là tình hình trong nước, khu vực và thế giới, là căn cứ để Đảng đề ra đề ra và thực hiện đường lối chính sách đối ngoại trong thời kì đổi mới.

### **2. Quá trình hình thành và phát triển đường lối đối ngoại:**

#### **➤ Đại hội VI ( 12 – 1986):**

Nhận định: “Xu thế mở rộng, phân công và hợp tác giữa các nước, kể cả nước có chế độ chính trị xã hội khác nhau cũng là những điều kiện rất quan trọng đối với công cuộc xây dựng CNXH ở nước ta”. Đại hội nêu chủ trương: Phải kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại trong điều kiện mới. Mở rộng hợp với các nước ngoài hệ thống XHCN. Tranh thủ mở quan hệ với các nước công nghiệp, các tổ chức kinh tế thế giới và tư nhân nước ngoài trên nguyên tắc: Bình đẳng, cùng có lợi. Thực hiện nghị quyết, đại hội 12-1987, luật đầu tư nước ngoài được ban hành. Đây là lần đầu tiên nhà nước ta tạo cơ sở pháp lí cho các hoạt động đầu tư nước ngoài trực tiếp vào Việt Nam => mở cửa để thu hút vốn, thiết bị, kinh nghiệm của các nước phát triển cho xây dựng đất nước.

Tháng 5 -1988, bộ chính trị ra nghị quyết 13 về: “Nhiệm vụ và chính sách đối ngoại trong tình hình mới”, chỉ rõ: + Lợi ích cao nhất của Đảng và nhân dân ta là: củng cố và giữ vững hòa bình để tập trung phát triển kinh tế.

+ Kiên quyết chủ động chuyển cuộc đấu tranh từ tình trạng đối đầu sang đối thoại và hợp tác cùng tồn tại hòa bình.

+ Lợi dụng cách mạng khoa học kĩ thuật và xu thế toàn cầu hóa để tranh thủ vị trí có lợi nhất trong phân công lao động quốc tế.

+ Mở rộng và đa dạng quan hệ hợp tác quốc tế.

+ Xóa bỏ độc quyền sản xuất và xuất nhập khẩu.

Ý nghĩa nghị quyết 13 của bộ chính trị:

+ Về đường lối đối ngoại: Đánh dấu sự chuyển hướng toàn bộ chiến lược đối ngoại của Đảng và đặt nền móng hình thành đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, rộng mở, đa dạng hóa, đa phương hóa quan hệ quốc tế.

+ Về kinh tế đối ngoại: Đảng đã chủ trương xóa bỏ tình trạng độc quyền mang tính chất cửa quyền trong sản xuất và kinh doanh xuất nhập khẩu. Đây là bước thay đổi đầu tiên và rất quan trọng về kinh tế đối ngoại của Việt Nam.

#### **➤ Đại hội VII ( 6-1991)**

Chủ trương: “hợp tác, bình đẳng, cùng có lợi với các nước, không phân biệt chế độ chính trị xã hội khác nhau trên cơ sở nguyên tắc cùng tồn tại hòa bình”.

Phương châm: “Việt Nam muốn là bạn với tất cả các nước trong cộng đồng thế giới, phấn đấu vì hòa bình, độc lập và phát triển”.

Chính sách:

+ Đổi mới phương thức hợp tác, chú trọng hiệu quả trên tinh thần bình đẳng với Lào, Campuchia.

- +Thúc đẩy bình thường hóa và từng bước mở rộng hợp tác Việt Trung.
- + Đẩy mạnh quan hệ với các nước trong khu vực, phấn đấu cho một Đông Nam Á hòa bình, hợp tác phát triển.
- + Với Mỹ, đại hội nhấn mạnh thúc đẩy quá trình bình thường hóa Việt Nam – Hoa Kỳ.

Hội nghị trung ương 3 (6-1962) nhấn mạnh yêu cầu:

Đa dạng hóa, đa phương hóa quan hệ quốc tế trên nguyên tắc: Tôn trọng độc lập, chủ quyền, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau, bình đẳng cùng có lợi.

Mở rộng của để tiếp thu vốn, công nghệ, kinh nghiệm quản lý của nước ngoài, tiếp cận thị trường thế giới. Đảm bảo an ninh quốc gia, hạn chế đến mức tối thiểu những mặt tiêu cực phát sinh trong quá trình mở cửa.

#### ➤ Đại hội VIII (6-1996)

Chủ trương:

- + Tiếp tục mở rộng quan hệ quốc tế, hợp tác nhiều mặt với các nước, các trung tâm kinh tế thế giới.
- + Mở rộng quan hệ với các Đảng cầm quyền và các Đảng khác.
- + Mở rộng quan hệ đối ngoại nhân dân.
- + Thử nghiệm để tiến tới thực hiện đầu tư ra nước ngoài.

Chính sách:

- + Ra sức tăng cường quan hệ với các nước láng giềng, các nước trong tổ chức ASEAN.
- + Không ngừng củng cố quan hệ với các nước và bạn bè truyền thống.
- + Coi trọng quan hệ với các nước phát triển, các trung tâm kinh tế, chính trị thế giới.
- + Tham gia toạ đàm và đóng góp hoạt động cho các tổ chức, các diễn đàn quốc tế.

HNTW 4 (12-1997) chỉ rõ: khẩn trương việc đàm phán hợp đồng thương mại với Mỹ, gia nhập APEC, WTO.

#### ➤ Đại hội IX (4-2001)

Quan điểm: xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ, trước hết về đường lối, đồng thời phải có tiềm lực kinh tế đủ mạnh.

Chủ trương: Chủ động hội nhập kinh tế quốc tế và khu vực, nâng cao hiệu quả kinh tế đối ngoại, kết hợp nội lực với ngoại lực thành nguồn lực tổng hợp để phát triển đất nước.

Phương châm: “Việt Nam sẵn sàng là bạn, là đối tác tin cậy của các nước trong cộng đồng quốc tế, phấn đấu vì hòa bình, hợp tác và phát triển”.

Sau đại hội, HNTW 9 (1-2004) nhấn mạnh yêu cầu:

- + Chuẩn bị tốt các điều kiện để sớm gia nhập WTO.
- + Kiên quyết đấu tranh với mọi biểu hiện vi lợi ích cục bộ kìm hãm hội nhập kinh tế quốc tế.

#### ➤ Đại hội X (4-2006) chỉ rõ:

Thực hiện nhất quán đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hòa bình, hợp tác và phát triển. Thực hiện chính sách đối ngoại, mở rộng đa dạng hóa, đa phương hóa các quan hệ quốc tế.

Chủ động và tích cực hội nhập kinh tế quốc tế.

➔ Tóm lại: Đại hội VI đề ra đường lối đối ngoại rộng mở, được hội nghị VII và NQT3, khóa VII phát triển thành: Đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, rộng mở, đa dạng hóa, đa phương hóa quan hệ quốc tế với phương châm “sẵn sàng là bạn với các nước”. Đại hội VIII, IX, X, Đảng ta bổ sung, hoàn chỉnh theo phương châm: “Chủ động, tích cực hội nhập kinh tế quốc tế và xây dựng quan hệ đối tác tin cậy, đánh dấu bước phát triển về chất, tiến trình đề ra và thực hiện đường lối đối ngoại của Việt Nam thời kì đổi mới. Với đường lối trên đã mở ra một trang sử mới trong quan hệ đối ngoại và hợp tác kinh tế của Việt Nam thời kì mới.

### **3. Nội dung đường lối đối ngoại, hội nhập kinh tế quốc tế:**

#### ➤ Cơ hội và thách thức:

#### ➤ Cơ hội:

+Thứ nhất, khi hội nhập kinh tế quốc tế, Việt Nam có cơ hội mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm do tiếp cận thị trường quốc tế rộng lớn và vị thế thị trường ngang nhau với tất cả các quốc gia đó. Hàng hóa thâm nhập thị trường không lồ này không gặp bất cứ trở ngại nào, miễn là không vi phạm những quy chế và cam kết đã ký.

+Thứ 2, Việt Nam được đối xử tối huệ quốc vô điều kiện. Thuế nhập khẩu vào các nước thành viên sẽ giảm đáng kể. Được hưởng chế độ ưu đãi thuế quan phổ cập vì là nước đang phát triển.

+Thứ 3, hội nhập, Việt Nam sẽ tiếp cận và tiếp nhận được nguồn nhân lực, vật lực lớn từ những nước phát triển.



+Điểm thứ 4, cũng rất quan trọng là Việt Nam bình đẳng với các quốc gia thành viên của các tổ chức quốc tế, Việt Nam sẽ nâng cao vị thế trong các mối quan hệ quốc tế, đặc biệt trong việc giải quyết những tranh chấp trong kinh doanh thương mại quốc tế.

+Thứ 5, khi Việt Nam mở cửa hội nhập, hàng hóa các nước sẽ thâm nhập thị trường Việt Nam. Các doanh nghiệp Việt Nam sẽ không ngừng nâng cao chất lượng sản phẩm, giảm giá thành nâng cao sức cạnh tranh nhằm tồn tại và phát triển. Điều này, người tiêu dùng trong nước được hưởng lợi nhiều hơn.

+Ngoài ra, Việt Nam còn có cơ hội hoàn thiện các chính sách kinh tế, các cơ quan quản lý Nhà nước hoàn thiện hoạt động, tuân thủ quy chế của các tổ chức trong khu vực và thế giới với tiêu chí tự do hóa thương mại, kiên quyết xóa bỏ những rào cản bất hợp lý trong thương mại quốc tế, góp phần làm trong sạch bộ máy Nhà nước, nâng cao hiệu quả thực hiện các chính sách kinh tế của Chính phủ, tạo được hệ thống chính sách minh bạch làm cơ sở thu hút đầu tư nước ngoài.

#### Thách thức:

+Phải cạnh tranh với các doanh nghiệp nước ngoài, trong khi đó, khả năng cạnh tranh của các doanh nghiệp nước ta chưa cao. Doanh nghiệp yếu về tiềm lực kinh tế cũng như thương hiệu không có khả năng cạnh tranh sẽ bị đào thải khỏi thị trường. Hậu quả là số lao động thất nghiệp tăng cao, một gánh nặng cho xã hội và Chính phủ.

+Thách thức lớn thứ 2 là Việt Nam phải thực hiện hàng loạt những cam kết, những thỏa thuận đã ký trong những hiệp định thương mại song phương, đa phương, trong khi đó, hệ thống chính sách kinh tế của ta đang trong quá trình hoàn thiện, chưa đồng bộ.

#### ➤ Mục tiêu và nhiệm vụ đối ngoại

Giữ vững môi trường hòa bình, ổn định để phát triển kinh tế xã hội là lợi ích cao nhất của Tổ quốc. Mở rộng đối ngoại và hội nhập kinh tế quốc tế là để tạo thêm nguồn lực từ bên ngoài để đẩy mạnh CNH- HĐH đất nước.

Thu hút khoa học công nghệ và nhân tài, phát triển nền kinh tế tri thức, thực hiện dân giàu nước mạnh. Phát huy vai trò, sức mạnh và nâng cao vị thế của Việt Nam trong quan hệ ở khu vực và quốc tế. Tích cực góp phần vào cuộc đấu tranh chung của nhân dân thế giới vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội.

#### ➤ Tư tưởng chỉ đạo:

Bảo đảm tối đa lợi ích dân tộc chân chính, đồng thời thực hiện nghĩa vụ quốc tế theo khả năng của mình. Giữ vững độc lập tự chủ đi đôi với đẩy mạnh đa dạng hóa, đa phương hóa quan hệ đối ngoại. Nắm vững hai mặt hợp tác và đấu tranh, đấu tranh để hợp tác. Tránh đối đầu trực diện, tránh bị đẩy vào thế cô lập.

Mở rộng quan hệ với mọi quốc gia và vùng lãnh thổ, không phân biệt về chế độ chính trị xã hội.

Coi trọng hợp tác khu vực, chủ động tham gia các tổ chức đa phương trên thế giới. Kết hợp đối ngoại của Đảng, nhà nước và đối ngoại nhân dân.

Giữ vững ổn định chính trị, kinh tế, xã hội, giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc trong quá trình hội nhập quốc tế. Phát huy tối đa nội lực, đi đôi với thu hút và sử dụng hiệu quả các nguồn lực bên ngoài, xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ.

Đẩy nhanh nhịp độ cải cách thể chế, chính sách cho phù hợp với gia nhập WTO và giữ vững định hướng XHCN.

Giữ vững sự lãnh đạo của Đảng, phát huy vai trò quản lý nhà nước và các đoàn thể nhân dân. Tăng cường sức mạnh khối đoàn kết dân tộc trong tiến trình hội nhập.

#### ➤ Một số chủ trương, chính sách lớn về mở rộng quan hệ đối ngoại, hội nhập kinh tế quốc tế:

Đưa các quan hệ quốc tế đã được thiết lập đi vào chiều sâu, ổn định và bền vững.

Chủ động và tích cực hội nhập kinh tế quốc tế theo lộ trình phù hợp.

Bổ sung và hoàn thiện hệ thống pháp luật, thể chế kinh tế phù hợp với quy định của WTO.

Đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao hiệu lực và hiệu quả quản lý của nhà nước.

Nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia, doanh nghiệp và sản phẩm trong hội nhập kinh tế quốc tế.

Giải quyết tốt các vấn đề văn hóa xã hội trong quá trình hội nhập.

Giữ vững và tăng cường quốc phòng, an ninh trong quá trình hội nhập.

Phối hợp chặt chẽ hoạt động đối ngoại của Đảng, ngoại giao nhà nước, đối ngoại nhân dân.

Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng và quản lý nhà nước đối với hợp đồng đối ngoại.

Tăng cường công tác thông tin đối ngoại, văn hóa đối ngoại để thế giới hiểu đất nước, con người Việt Nam và công cuộc đổi mới của ta.

➤ Thành tựu và ý nghĩa:

+ Một là, phá vỡ thế bị bao vây. Cẩm vận của các thế lực thù địch, tạo dựng môi trường quốc tế thuận lợi cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

23-10-1991, ta kí hiệp định Paris về một giải pháp toàn diện cho vấn đề Campuchia, mở ra tiền đề để Việt nam thúc đẩy quan hệ với khu vực và cộng đồng quốc tế.

10-11-1991, ta bình thường hóa quan hệ với Trung Quốc theo phương châm 4 tốt bạn đề ra: “Láng giềng tốt, bạn bè tốt, đồng chí tốt, hợp tác tốt”.

Tháng 12-1992, chính phủ Nhật quyết định nối lại viện trợ ODA cho Việt Nam.

3-2-1994, Mỹ tuyên bố bỏ cấm vận kinh tế chống Việt Nam.

11-7-1995, bình thường hóa quan hệ Việt Nam – Hoa Kỳ.

28-7-1995, Việt Nam gia nhập ASEAN, đánh dấu sự hội nhập của Việt Nam và khu vực Đông Nam Á.

+ Hai là: giải quyết hòa bình các vấn đề biên giới, lãnh thổ, biển đảo với các nước liên quan. Thu hẹp tranh chấp vùng biển giữa ta và các nước ASEAN. Đàm phán thành công với Malaysia về “Gác tranh chấp, cùng khai thác” ở vùng biển chồng lấn giữa ta và họ.

Ký với Trung Quốc hiệp ước về phân định biên giới trên bộ, Hiệp định phân Vịnh Bắc Bộ, hiệp định nghề cá. Cơ bản hoàn thành cắm mốc biên giới đất liền, tạo sự ổn định và quan hệ tốt nhân dân biên giới đất liền.

+ Ba là: Mở rộng quan hệ theo hướng đa dạng hóa, đa phương hóa.

Lần đầu tiên Việt Nam có quan hệ chính thức với tất cả các nước lớn trên thế giới và tất cả các nước đều coi trọng vai trò của Việt Nam ở Đông Nam Á.

1995, kí hiệp định khung về hợp tác với EU.

1999, kí với Trung Quốc quan hệ 16 chữ vàng “Láng giềng hữu nghị, hợp tác toàn diện, ổn định lâu dài, hướng tới tương lai”

2001, tuyên bố quan hệ đối tác chiến lược với Nga.

13-7-2001, kí hợp đồng thương mại song phương Việt Nam-Hoa Kỳ.

2002, Ta kí “Khung khổ quan hệ đối tác tin cậy và ổn định lâu dài với Nhật Bản.

10-2007, đại hội đồng Liên hợp quốc đã bầu Việt Nam làm Ủy viên không thường trực và làm chủ tịch hội đồng bảo an Liên hợp quốc nhiệm kì 2008-2009.

+Bốn là: tham gia các tổ chức kinh tế quốc tế.

1993, Việt Nam khai thông quan hệ với các tổ chức tài chính tiền tệ quốc tế như: Ngân hàng thế giới (WB), ngân hàng phát triển Châu Á (ADB).

Cuối 1995, VN tham gia khu vực mậu dịch tự do ASEAN (AFTA).

3-1996, tham gia diễn đàn hợp tác Á Âu (ASEM) với tư cách là thành viên sáng lập.

11-1998, gia nhập tổ chức hợp tác kinh tế Châu Á-Thái Bình Dương (APEC). Năm 2006, ta tổ chức rất thành công hội nghị APEC ở Hà Nội.

+Năm là: thu hút đầu tư nước ngoài, mở rộng thị trường, tiếp thu khoa học, công nghệ và kĩ năng quản lí. Đến nay, nước ta đã tạo dựng được quan hệ kinh tế thương mại với hơn 180 quốc gia và vùng lãnh thổ, trong đó có 74 nước áp dụng quy chế Tối huệ quốc. Thiết lập và kí hợp đồng thương mại hai chiều với gần 90 nước và vùng lãnh thổ. ( 1986, Kim ngạch xuất khẩu chỉ đạt 789 triệu USD, 2008 đạt 48 tỷ USD, xuất khẩu sang Mỹ năm 2001 là 1.4 tỷ USD, 2009 là 15 tỷ USD. Thu hút khối lượng lớn đầu tư nước ngoài ( năm 2003, đạt 20.3 tỷ USD.

Riêng Mỹ, năm 2009 trở thành quốc gia có vốn đầu tư nước ngoài lớn nhất vào Việt Nam: 9.8 tỷ USD.) Hội nhập kinh tế đã tạo điều kiện để ta tiếp cận những thành tựu của cuộc Cách mạng khoa học.

+Sáu là: Từng bước đưa hoạt động của các doanh nghiệp và cả nền kinh tế vào môi trường cạnh tranh. Trong quá trình hội nhập, nhiều doanh nghiệp đã đổi mới công nghệ, quản lí, nâng cao năng suất chất lượng sản xuất kinh doanh, không ngừng vươn lên trong cạnh tranh để tồn tại và phát triển. Tư duy làm ăn mới, lấy hiệu quả sản xuất kinh doanh làm thước đo và đội ngũ các nhà doanh nghiệp năng động, sáng tạo, có kiến thức quản lí mới đang hình thành.